



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CẦU ĐƯỜNG CII
CII BRIDGES AND ROADS INVESTMENT JOINT STOCK COMPANY

oOo

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Quý 3 năm 2023



Tháng 10 năm 2023

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CẦU ĐƯỜNG CII

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Quý 3 năm 2023

Tháng 10 năm 2023

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT	2 – 3
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT	4
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT	5 – 6
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT	7 - 57

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 30 tháng 09 năm 2023

Mẫu số B 01 – DN/HN
Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/09/2023	01/01/2023
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		1.254.026.942.081	1.244.384.275.923
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	111.247.133.527	97.843.229.219
1. Tiền	111		49.565.894.074	25.614.401.461
2. Các khoản tương đương tiền	112		61.681.239.453	72.228.827.758
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		1.095.478.187	565.775.000
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.12.a	1.095.478.187	565.775.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		1.127.719.995.880	1.119.559.946.553
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.2	45.474.462.496	52.989.866.812
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.3	20.235.259.884	18.528.602.576
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	V.4	584.274.869.193	589.925.628.040
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5.a	518.259.291.763	498.728.743.086
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.6	(40.523.887.456)	(40.612.893.961)
IV. Hàng tồn kho	140	V.7	4.870.909.202	17.298.527.842
1. Hàng tồn kho	141		4.870.909.202	17.298.527.842
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		9.093.425.285	9.116.797.309
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.8.a	6.246.968.097	2.178.646.878
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		959.699.532	4.817.234.129
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.17.a	1.886.757.656	2.120.916.302
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		11.192.467.607.030	11.505.699.006.441
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		1.205.144.494.655	1.735.950.146.902
1. Phải thu về cho vay dài hạn	215	V.4.b	-	429.000.000.000
2. Phải thu dài hạn khác	216	V.5.b	1.205.144.494.655	1.306.950.146.902
II. Tài sản cố định	220		6.702.978.656.753	6.814.117.887.136
2. Tài sản cố định hữu hình	221	V.9	12.093.324.077	9.574.363.377
1. - Nguyên giá	222		40.268.007.602	32.111.362.791
2. - Giá trị hao mòn lũy kế	223		(28.174.683.525)	(22.536.999.414)
2. Tài sản cố định vô hình	227	V.10	6.690.885.332.676	6.804.543.523.759
4. - Nguyên giá	228		8.922.244.932.758	8.782.247.279.893
5. - Giá trị hao mòn lũy kế	229		(2.231.359.600.082)	(1.977.703.756.134)
III. Tài sản dở dang dài hạn	240		37.115.037.213	58.625.364.963
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.11	37.115.037.213	58.625.364.963
IV. Đầu tư tài chính dài hạn	250	V.12	938.718.035.938	869.167.010.832
1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	V.12.b	938.718.035.938	869.167.010.832
V. Tài sản dài hạn khác	260		2.308.511.382.471	2.027.838.596.608
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.8.b	2.024.936.346.836	1.722.384.544.912
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	V.13.a	247.302.182.069	262.578.048.208
3. Lợi thế thương mại	269	V.14	36.272.853.566	42.876.003.488
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		12.446.494.549.111	12.750.083.282.364

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)
Tại ngày 30 tháng 09 năm 2023

Mẫu số B 01 – DN/HN
Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh		
			30/09/2023	01/01/2023
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		7.591.374.994.178	7.906.613.470.479
I. Nợ ngắn hạn	310		1.705.439.710.643	2.222.581.550.638
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.15	231.131.992.884	237.229.239.219
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.16	464.322.254.889	464.322.254.889
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.17.b	18.236.718.350	12.669.680.411
4. Phải trả người lao động	314		13.222.951.826	12.176.016.183
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.18	64.417.347.319	71.218.871.642
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		111.818.179	-
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.19.a	418.322.187.001	568.018.121.912
8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.20.a	490.119.369.097	853.563.479.817
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		5.555.071.098	3.383.886.565
II. Nợ dài hạn	330		5.885.935.283.535	5.684.031.919.841
1. Phải trả dài hạn khác	337	V.19.b	977.197.967.108	131.519.284.964
2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.20.b	4.876.657.698.177	5.518.385.381.420
3. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341	V.13.b	32.079.618.250	34.127.253.457
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		4.855.119.554.933	4.843.469.811.885
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.21	4.855.119.554.933	4.843.469.811.885
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		1.928.547.650.000	1.928.547.650.000
2. - Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		1.928.547.650.000	1.928.547.650.000
3. Thặng dư vốn cổ phần	412		3.657.748.096	3.657.748.096
4. Quỹ đầu tư phát triển	418		106.028.174.597	106.028.174.597
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		1.364.627.552.271	1.471.639.564.814
6. - Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		1.159.059.441.762	1.180.392.007.974
7. - Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	421b		205.568.110.509	291.247.556.840
8. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		1.452.258.429.969	1.333.596.674.378
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		12.446.494.549.111	12.750.083.282.364

Phùng Thị Thắm
Người lập biểu

Lương Thị Thu Yên
Kế toán trưởng



Nguyễn Văn Chính
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 10 năm 2023

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT
Cho kỳ kế toán Quý 3 và Lũy kế năm 2023

Mẫu số B 02 – DN/HN
Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Quý 3		Lũy kế từ 01/01 đến 30/09	
			Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	381.975.953.796	375.583.218.924	1.096.844.751.331	1.083.465.659.710
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.1	25.612.278.936	25.336.536.216	79.994.344.702	71.387.660.640
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10	VI.1	356.363.674.860	350.246.682.708	1.016.850.406.629	1.012.077.999.070
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	104.322.518.709	145.506.638.024	361.135.909.707	405.351.561.839
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		252.041.156.151	204.740.044.684	655.714.496.922	606.726.437.231
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	22.090.490.522	25.897.752.069	60.291.999.062	65.956.908.498
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	71.470.585.610	75.413.953.188	272.880.473.397	242.659.375.537
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		71.470.585.610	75.413.953.188	272.880.473.397	242.659.375.537
8. Phần lãi/(lỗ) trong công ty liên doanh liên kết	24	V.12.b	23.438.440.695	1.240.483.672	69.551.025.106	1.240.483.672
9. Chi phí bán hàng	25	VI.5	25.668.686.798	27.602.153.842	73.746.810.796	79.177.501.987
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.6	5.696.783.354	10.060.140.918	31.780.490.176	35.004.706.013
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh [30 = 20 + (21 - 22) + 24 - (25 + 26)]	30		194.734.031.606	118.802.032.477	407.149.746.721	317.082.245.864
12. Thu nhập khác	31	VI.7	5.051.748.315	27.272.727	5.281.622.197	88.762.626
13. Chi phí khác	32	VI.8	2.984.495.489	9.020.349	5.994.326.330	630.704.721
14. Lỗ khác (40 = 31 - 32)	40		2.067.252.826	18.252.378	(712.704.133)	(541.942.095)
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		196.801.284.432	118.820.284.855	406.437.042.588	316.540.303.769
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.9	4.831.016.635	5.241.416.214	14.665.220.264	17.583.988.221
17. Thu nhập thuế thu nhập hoãn lại	52	V.13	4.356.785.178	3.585.655.656	13.228.230.932	(4.783.301.523)
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51 - 52)	60		187.613.482.619	109.993.212.985	378.543.591.392	303.739.617.071
19. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của Công ty mẹ	61		121.996.797.118	66.343.075.066	205.568.110.509	198.140.406.162
20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		65.616.685.501	43.650.137.919	172.975.480.883	105.599.210.909
21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.10	633	344	1.055	1.016

Phùng Thị Thắm
Người lập biểu

Lương Thị Thu Yến
Kế toán trưởng



Nguyễn Văn Chính
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 10 năm 2023

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2023

Mẫu số B 03 – DN/HN
Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Từ 01/01/2023 đến 30/09/2023	Từ 01/01/2022 đến 30/09/2022
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	406.437.042.588	316.540.303.769
2. Điều chỉnh cho các khoản			
Khấu hao TSCĐ, BĐSĐT và phân bổ lợi thế thương mại	02	261.379.648.761	344.026.228.939
Các khoản dự phòng	03	-	(463.021.533)
Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(123.486.696.624)	(61.358.032.751)
Chi phí lãi vay	06	270.626.494.798	242.659.375.537
Các khoản điều chỉnh khác	07	68.613.541.570	65.548.301.221
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	883.570.031.093	906.953.155.182
Tăng/Giảm các khoản phải thu	09	3.250.008.233	10.853.050.085
Tăng/Giảm hàng tồn kho	10	-	333.604.468
Tăng/(giảm) các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	18.125.710.182	(8.590.827.261)
Tăng chi phí trả trước	12	10.938.953.711	(59.613.652.423)
Tiền lãi vay đã trả	14	(838.896.616.396)	(580.184.564.492)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(11.302.472.141)	(16.188.024.599)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	-	13.385.465
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	-	(62.165.417)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	65.685.614.682	253.513.961.008
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(113.954.451.563)	(108.333.062.480)
2. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(196.529.703.187)	(704.489.782.074)
3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	641.157.400.932	21.960.951.487
4. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	-	(3.896.453.288)
5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	77.314.461.407	13.888.231.749
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	407.987.707.589	(780.870.114.606)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (tiếp theo)
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2023

Mẫu số B 03 – DN/HN
Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Từ 01/01/2023 đến 30/09/2023	Từ 01/01/2022 đến 30/09/2022
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền thu từ đi vay	33	3.326.304.737.868	1.659.996.629.052
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	(3.439.466.531.831)	(1.133.545.668.524)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(347.107.624.000)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(460.269.417.963)	526.450.960.528
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20 + 30 + 40)	50	13.403.904.308	(905.193.070)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	97.843.229.219	182.456.553.643
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50 + 60)	70	111.247.133.527	181.551.360.573



Phùng Thị Thắm
Người lập biểu



Lương Thị Thu Yến
Kế toán trưởng



Nguyễn Văn Chính
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 05 tháng 10 năm 2023

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2023

I. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Đầu tư Cầu đường CII (gọi tắt là "Công ty") được chuyển đổi từ Công ty Cổ phần Cơ khí Lữ Gia, một doanh nghiệp Nhà nước được thành lập năm 1978 theo Quyết định số 8032/QĐ-UB-KT ngày 28 tháng 12 năm 1999 của Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0300482241 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu vào ngày 8 tháng 3 năm 2000 và thay đổi lần thứ 22 ngày 22 tháng 04 năm 2022 về việc thay đổi địa chỉ của Công ty..

Vốn điều lệ của Công ty là 1.928.547.650.000 VND, được chia thành 192.854.765 cổ phần bằng nhau, mệnh giá một cổ phần là 10.000 VND.

Công ty mẹ của Công ty là Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh ("CII"), trụ sở chính tại Tầng 12, 152 Điện Biên Phủ, Phường 25, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam. Tỷ lệ sở hữu của Công ty mẹ là 54,82%.

Trụ sở chính của Công ty đặt tại số 477-479 An Dương Vương, Phường 11, Quận 6, TP.HCM.

Tên Công ty viết bằng tiếng nước ngoài là: CII Bridges & Roads Investment Joint Stock Company, tên viết tắt là: CII Bridges & Roads.

Cổ phiếu của Công ty hiện đang niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh, mã cổ phiếu: LGC.

Tổng số nhân viên của Công ty và các công ty con tại ngày 30 tháng 09 năm 2023 là 100 người (tại ngày 1 tháng 1 năm 2023 là 100 người).

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Ngành nghề kinh doanh của Công ty: lắp đặt hệ thống điện; sản xuất thiết bị điện; sửa chữa thiết bị điện; hoạt động kiến trúc, tư vấn kỹ thuật có liên quan; bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng; sản xuất các cấu kiện kim loại; sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại; lắp đặt hệ thống xây dựng khác; bán lẻ nhiên liệu động cơ trong các cửa hàng chuyên doanh; giáo dục nghề nghiệp; xây dựng công trình công ích; xây dựng công trình đường sắt và đường bộ; xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng; chuẩn bị mặt bằng; khai thác xử lý và cung cấp nước; lắp đặt hệ thống cấp thoát nước; kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê.

Hoạt động chính của Công ty trong kỳ là đầu tư xây dựng, khai thác, kinh doanh hạ tầng kỹ thuật đô thị theo phương thức hợp đồng xây dựng - kinh doanh - chuyển giao (B.O.T); hợp đồng xây dựng - chuyển giao (BT); thi công xây lắp hệ thống thiết bị chiếu sáng công cộng, duy tu bảo dưỡng công trình công cộng.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh của hoạt động đầu tư của Công ty bắt đầu từ thời điểm xin giấy phép đầu tư, thực hiện giải phóng mặt bằng, xây dựng cơ bản cho đến thời điểm hoàn thành đưa vào sử dụng. Do vậy, chu kỳ sản xuất kinh doanh của các hoạt động này ước tính trong vòng từ 24 tháng đến 60 tháng.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh của các hoạt động khác của Công ty thông thường được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2023

I. THÔNG TIN KHÁI QUÁT (tiếp theo)

Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính hợp nhất

Công ty áp dụng nhất quán các chính sách kế toán theo Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT/BTC và Thông tư số 202/2014/TT/BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính. Do đó, thông tin và số liệu trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất là có thể so sánh được.

Các sự kiện quan trọng đã xảy ra trong kỳ kế toán

Ngày 11 tháng 11 năm 2022, Hội đồng Quản trị của Công ty đã ban hành nghị quyết thông qua việc nhận chuyển nhượng 60.170.549 cổ phần tương ứng với 39% vốn điều lệ của Công ty Cổ phần BOT Trung Lương - Mỹ Thuận từ Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Tuấn Lộc. Việc chuyển nhượng này cũng đã được Ủy ban Nhân dân tỉnh Tiền Giang chấp thuận tại Văn bản số 2618/UBND-TH ngày 31 tháng 5 năm 2023 và ngày 16 tháng 10 năm 2023 Bộ Công Thương - Ủy Ban Cảnh Tranh Quốc Gia đã có thông báo về việc hồ sơ tập trung kinh tế của Công ty đã được thực hiện, theo đó ngày 17 tháng 10 năm 2023, Công ty đã trình Ủy Ban Nhân dân Tỉnh Tiền Giang ký Phụ lục hợp đồng BOT để hoàn tất các thủ tục liên quan đến việc nhận chuyển nhượng số cổ phần nêu trên để nâng tỷ lệ sở hữu vốn tại Công ty Trung Lương - Mỹ Thuận từ 50% lên 89%, theo đó, Công ty Cổ phần BOT Trung Lương - Mỹ Thuận sẽ trở thành công ty con của Công ty.

Hội đồng Quản trị của Công ty đã ban hành nghị quyết cho phép Công ty hợp tác với Công ty TNHH MTV Khu Bắc Thủ Thiêm trong việc khai thác tài sản là quyền thu phí của dự án Xa lộ Hà Nội, đồng thời thông qua hợp đồng số 09/2023/HĐ-KBTT ngày 5 tháng 5 năm 2023. Theo đó, Công ty sẽ chuyển nhượng khoản tiền được phân chia từ dự án Xa lộ Hà Nội cho Công ty Khu Bắc Thủ Thiêm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2023

I. THÔNG TIN KHÁI QUÁT (tiếp theo)

Cấu trúc công ty

Tại ngày 30 tháng 09 năm 2023, Công ty đang đầu tư vào các công ty con và công ty liên doanh liên kết như sau:

Tên công ty	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích (%)	Tỷ lệ quyền biểu quyết (%)	Hoạt động chính
Công ty con				
1. Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Xa lộ Hà Nội	Tp. Hồ Chí Minh	51%	51%	Đầu tư xây dựng dự án B.O.T mở rộng Xa lộ Hà Nội
2. Công ty TNHH MTV BOT tỉnh Ninh Thuận	Tp. Hồ Chí Minh	100%	100%	Đầu tư, thu phí giao thông hoàn vốn dự án B.O.T mở rộng Quốc lộ 1 đoạn qua tỉnh Ninh Thuận
3. Công ty TNHH BOT Cầu Rạch Miếu	Tỉnh Bến Tre	50,71%	50,36%	Đầu tư, thu phí giao thông hoàn vốn Dự án đầu tư xây dựng cầu Rạch Miếu và mở rộng 4 đoạn tuyến Quốc lộ 60
4. Công ty TNHH Đầu tư Cổ Chiên	Tp. Hồ Chí Minh	51%	51%	Đầu tư xây dựng cầu Cổ Chiên, Quốc lộ 60, tỉnh Trà Vinh và tỉnh Bến Tre
5. Công ty Cổ phần Cầu đường Hiền An Bình	Tp. Hồ Chí Minh	99,99%	99,99%	Đầu tư vào các công ty dự án cầu đường
6. Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Xây dựng Ninh Thuận	Tp. Hồ Chí Minh	99,99%	99,99%	Đầu tư, thu phí giao thông hoàn vốn dự án B.O.T mở rộng Quốc lộ 1 đoạn qua Tp. Phan Rang - Tháp Chàm
7. Công ty TNHH MTV Đầu tư Hạ tầng VRG (Đầu tư gián tiếp thông qua Công ty Cổ phần Cầu đường Hiền An Bình)	Tỉnh Bình Dương	99,99%	99,99%	Đầu tư, thu phí giao thông hoàn vốn Dự án đầu tư nâng cấp mở rộng đường ĐT 741
8. Công ty Cổ Phần Dịch Vụ Quản Lý Khai Thác Cầu Đường CII (i)	Tỉnh Bình Dương	66,667%	47,37%	Cung cấp dịch vụ thu phí giao thông, duy trì bảo dưỡng cầu đường, trồng và chăm sóc cây xanh và các dịch vụ hạ tầng khác
Công ty liên doanh				
1. Công ty Cổ phần BOT Trung Lương - Mỹ Thuận	Tp. Hồ Chí Minh	50%	50%	Đầu tư, xây dựng đường cao tốc Trung Lương - Mỹ Thuận

(i) Ngày 14 tháng 6 năm 2023, Hội đồng Quản trị của Công ty đã chấp thuận việc Công ty tham gia góp vốn đầu tư vào Công ty Cổ Phần Dịch Vụ Quản Lý Khai Thác Cầu Đường CII (Tên cũ Công ty TNHH Dịch vụ MCSC) với số tiền 20 tỷ đồng, tương ứng với tỷ lệ 66,667% vốn điều lệ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2023

II. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT VÀ KỶ KẾ TOÁN

Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Kỳ kế toán

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Kỳ kế toán báo cáo tài chính Quý 3/2023 và từ ngày 01 tháng 01 năm 2023 đến ngày 30 tháng 09 năm 2023.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Công ty đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ("Thông tư 200") ngày 22 tháng 12 năm 2014 hướng dẫn Chế độ Kế toán cho doanh nghiệp và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 3 năm 2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC; Thông tư số 202/2014/TT-BTC ("Thông tư 202") ngày 22 tháng 12 năm 2014 hướng dẫn Phương pháp lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất:

Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ hoạt động. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm báo cáo tài chính riêng của Công ty và báo cáo tài chính của các công ty do Công ty kiểm soát (các công ty con) được lập cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2023. Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong kỳ được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2023

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính (tiếp theo)

Trong trường hợp cần thiết, báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và các công ty con là giống nhau.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa các công ty trong cùng tập đoàn được loại bỏ khi hợp nhất báo cáo tài chính.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con hợp nhất được xác định là một chỉ tiêu riêng biệt tách khỏi phần vốn chủ sở hữu của cổ đông của công ty mẹ. Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu (chi tiết xem nội dung trình bày dưới đây) và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con phải được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

Hợp nhất kinh doanh

Tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con được xác định theo giá trị hợp lý tại ngày mua công ty con. Bất kỳ khoản phụ trội nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản thuần được mua được ghi nhận là lợi thế kinh doanh. Bất kỳ khoản thiếu hụt nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản thuần được mua được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán phát sinh hoạt động mua công ty con.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu được xác định trên cơ sở tỷ lệ của cổ đông không kiểm soát trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng được ghi nhận.

Ảnh hưởng của các giao dịch làm thay đổi tỷ lệ sở hữu của Công ty trong các công ty con nhưng không làm mất đi quyền kiểm soát được ghi nhận trực tiếp vào lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Góp vốn liên doanh

Các khoản góp vốn liên doanh là thỏa thuận trên cơ sở ký kết hợp đồng mà theo đó Công ty và các bên tham gia thực hiện hoạt động kinh tế trên cơ sở đồng kiểm soát. Cơ sở đồng kiểm soát được hiểu là việc đưa ra các quyết định mang tính chiến lược liên quan đến các chính sách hoạt động và tài chính của đơn vị liên doanh phải có sự đồng thuận của các bên đồng kiểm soát.

Trong trường hợp một công ty thành viên trực tiếp thực hiện hoạt động kinh doanh theo các thỏa thuận liên doanh, phần vốn góp vào tài sản đồng kiểm soát và bất kỳ khoản nợ phải trả phát sinh chung phải gánh chịu cùng với các bên góp vốn liên doanh khác từ hoạt động của liên doanh được hạch toán vào báo cáo tài chính hợp nhất của công ty tương ứng và được phân loại theo bản chất của nghiệp vụ kinh tế phát sinh. Các khoản công nợ và chi phí phát sinh có liên quan trực tiếp đến phần vốn góp trong phần tài sản đồng kiểm soát được hạch toán trên cơ sở dồn tích. Các khoản thu nhập từ việc bán hàng hoặc sử dụng phần sản phẩm được chia từ hoạt động của liên doanh và phần chi phí phát sinh phải gánh chịu được ghi nhận khi chắc chắn khoản lợi ích kinh tế có được từ các giao dịch này được chuyển tới hoặc chuyển ra khỏi Công ty và các khoản lợi ích kinh tế này có thể được xác định một cách đáng tin cậy.

Các thỏa thuận góp vốn liên doanh liên quan đến việc thành lập một cơ sở kinh doanh độc lập trong đó có các bên tham gia góp vốn liên doanh được gọi là cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát. Công ty lập báo cáo về các khoản lợi ích trong các cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát ("công ty liên doanh") theo phương pháp vốn chủ sở hữu.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)
Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2023

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

Góp vốn liên doanh (tiếp theo)

Bất kỳ lợi thế kinh doanh nào có được từ việc mua lại phần góp vốn của Công ty tại đơn vị góp vốn liên doanh đồng kiểm soát được kế toán phù hợp với chính sách kế toán của Công ty liên quan đến lợi thế thương mại có được từ việc mua cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát.

Công ty áp dụng phương pháp vốn chủ sở hữu để trình bày khoản đầu tư vào công ty liên doanh trong báo cáo tài chính hợp nhất. Theo đó, các khoản đầu tư vào công ty liên doanh được ghi nhận ban đầu theo giá gốc và sau đó giá trị ghi sổ được điều chỉnh theo những thay đổi trong phần sở hữu của Công ty trong lãi hoặc lỗ của bên được đầu tư sau ngày đầu tư. Các khoản được chia từ bên được đầu tư phải hạch toán giảm giá trị ghi sổ của khoản đầu tư. Việc điều chỉnh giá trị ghi sổ cũng phải thực hiện khi lợi ích của nhà đầu tư thay đổi phát sinh từ các khoản thu nhập được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu của bên được đầu tư, như việc đánh giá lại tài sản cố định, chênh lệch tỷ giá do chuyển đổi báo cáo tài chính.

Khi phần sở hữu của nhà đầu tư trong khoản lỗ của công ty liên doanh bằng hoặc vượt quá giá trị ghi sổ của khoản đầu tư, Công ty không phải tiếp tục ghi nhận các khoản lỗ phát sinh sau đó trừ khi Công ty có nghĩa vụ pháp lý theo hợp đồng hoặc thực hiện thanh toán thay cho công ty liên kết các khoản nợ mà Công ty đã đảm bảo hoặc cam kết trả. Nếu sau đó công ty liên doanh hoạt động có lãi, Công ty chỉ được ghi nhận phần sở hữu của mình trong khoản lãi đó sau khi đã bù đắp được phần lỗ thuần chưa được hạch toán trước đây.

Báo cáo tài chính của công ty liên doanh được lập cùng kỳ với báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và áp dụng các chính sách kế toán nhất quán với Công ty. Các điều chỉnh hợp nhất thích hợp đã được ghi nhận để đảm bảo các chính sách kế toán được áp dụng nhất quán với Công ty.

Khi Công ty thoái một phần vốn trong công ty liên doanh, lãi hoặc lỗ từ giao dịch sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Trong trường hợp Công ty hoặc các công ty thành viên của Công ty thực hiện giao dịch với một công ty liên doanh, lãi/lỗ chưa thực hiện tương ứng với phần sở hữu của Công ty vào công ty liên doanh phải được loại trừ khỏi báo cáo tài chính hợp nhất.

Lợi thế thương mại

Lợi thế thương mại trên Báo cáo tài chính hợp nhất là phần phụ trội giữa mức giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần lợi ích của Công ty trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con, công ty liên kết, hoặc đơn vị góp vốn liên doanh tại ngày thực hiện nghiệp vụ đầu tư.

Lợi thế thương mại từ việc mua công ty con được coi là một loại tài sản vô hình, được trình bày riêng như một loại tài sản dài hạn khác trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất và được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trên thời gian hữu dụng ước tính của lợi thế kinh doanh đó là 10 năm. Định kỳ, Công ty mẹ phải đánh giá tổn thất lợi thế thương mại tại công ty con. Nếu có bằng chứng cho thấy số lợi thế thương mại bị tổn thất lớn hơn số phân bổ hàng năm thì phân bổ theo số lợi thế thương mại bị tổn thất vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Lợi thế kinh doanh có được từ việc mua công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được tính vào giá trị ghi sổ của công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát. Công ty không phân bổ dần khoản lợi thế thương mại này.

Khi bán công ty con, công ty liên kết hoặc đơn vị góp vốn liên doanh, giá trị còn lại của khoản lợi thế thương mại chưa khấu hao hết được tính vào khoản lãi/lỗ do nghiệp vụ nhượng bán công ty tương ứng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2023

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá 3 tháng, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ báo cáo được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong kỳ.

Phải thu về cho vay

Các khoản cho vay là các khoản cho vay theo thỏa thuận giữa các bên nhưng không được giao dịch mua bán trên thị trường như chứng khoán.

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản cho vay được lập căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)
Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2023

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho khác được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất.

Tăng, giảm số dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ báo cáo được ghi nhận vào giá vốn hàng bán trong kỳ.

Các khoản trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước phát sinh chủ yếu bao gồm chi phí lãi vay của dự án B.O.T, chi phí sửa chữa, trung tu cầu đường và các khoản chi phí trả trước khác.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến các dự án B.O.T phát sinh trong giai đoạn sau khi nghiệm thu, chờ thu phí và giai đoạn thu phí được ghi nhận là một khoản chi phí trả trước. Chi phí này được phân bổ vào kết quả kinh doanh theo tỷ lệ doanh thu thu phí giao thông của từng dự án. Công ty sẽ điều chỉnh tỷ lệ phân bổ lãi vay khi phương án tài chính của dự án thay đổi do cập nhật dòng tiền thu phí theo lưu lượng xe thực tế nhằm đảm bảo lợi nhuận từ hoạt động thu phí hàng năm tương ứng với số lãi vốn chủ sở hữu mà Công ty được hưởng trên số vốn đầu tư vào dự án chưa thu hồi với tỷ suất lợi nhuận theo hợp đồng B.O.T.

Các khoản chi phí sửa chữa, trung tu cầu đường được thực hiện theo quy định của hợp đồng B.O.T và được phân bổ theo thời gian sửa chữa, trung tu định kỳ của từng dự án.

Các khoản chi phí trả trước khác bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ đã xuất dùng được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào chi phí sản xuất kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng theo các quy định kế toán hiện hành.

Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	10 - 50
Máy móc, thiết bị	5 - 20
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	5 - 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	3 - 8

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2023

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

Tài sản cố định hữu hình (tiếp theo)

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản là chênh lệch giữa thu nhập từ thanh lý và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất

Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được trình bày trong Bảng cân đối kế toán hợp nhất theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm giá trị quyền thu phí giao thông, quyền sử dụng đất và chương trình phần mềm.

Quyền thu phí giao thông là tài sản cố định vô hình có được từ hợp đồng B.O.T được ký giữa Công ty với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền. Nguyên giá của tài sản được xác định theo giá trị quyết toán của dự án trên cơ sở là các chi phí mà Công ty đã bỏ ra để thực hiện đầu tư vào dự án và được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền chấp thuận. Quyền thu phí giao thông được khấu hao theo tỷ lệ doanh thu phù hợp với thời gian khai thác thu phí hoàn vốn. Công ty sẽ điều chỉnh tỷ lệ khấu hao khi phương án tài chính của dự án thay đổi do cập nhật dòng tiền thu phí theo lưu lượng xe thực tế nhằm đảm bảo lợi nhuận từ hoạt động thu phí hàng năm tương ứng với số lãi vốn chủ sở hữu mà Công ty được hưởng trên số vốn đầu tư vào dự án chưa thu hồi với tỷ suất lợi nhuận theo hợp đồng B.O.T.

Quyền thu phí giao thông mà Công ty có được thông qua việc mua lại công ty con được vốn hóa và ghi nhận như một tài sản cố định vô hình. Giá trị hợp lý của các Quyền thu phí có được từ việc hợp nhất kinh doanh, được xác định bằng cách sử dụng phương pháp chiết khấu dòng tiền thu phí trong tương lai, giá trị của quyền thu phí được định giá sau khi đã trừ đi phần giá trị hợp lý cho các tài sản góp phần tạo ra luồng lưu chuyển tiền đó. Phần chênh lệch giữa giá trị hợp lý và giá trị ghi sổ của tài sản tại ngày hợp nhất kinh doanh được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thu phí giao thông còn lại kể từ thời điểm hợp nhất kinh doanh của dự án.

Quyền sử dụng đất có thời hạn được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng. Quyền sử dụng đất lâu dài theo quy định hiện hành không tính khấu hao.

Phần mềm vi tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong khoảng thời gian từ 3 đến 8 năm.

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản cố định vô hình là chênh lệch giữa thu nhập từ thanh lý và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Phải trả người bán bao gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ các giao dịch mua - bán và các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác (trong giao dịch nhập khẩu ủy thác). Phải trả khác gồm các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2023

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

Các khoản nợ phải trả (tiếp theo)

giao dịch mua - bán. Các khoản phải trả được phân loại ngắn hạn, dài hạn trên Báo cáo tài chính hợp nhất dựa theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả tại ngày báo cáo.

Chi phí phải trả

Các khoản chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

Vay và nợ phải trả thuê tài chính

Bao gồm các khoản tiền vay, nợ thuê tài chính, không bao gồm các khoản vay dưới hình thức phát hành trái phiếu hoặc cổ phiếu ưu đãi có điều khoản bắt buộc bên phát hành phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai. Công ty theo dõi các khoản vay chi tiết theo từng đối tượng nợ và phân loại ngắn hạn và dài hạn theo thời gian trả nợ.

Chi phí liên quan trực tiếp đến khoản vay được ghi nhận vào chi phí tài chính, ngoại trừ các chi phí phát sinh từ khoản vay riêng cho mục đích đầu tư, xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì được vốn hóa theo Chuẩn mực kế toán "Chi phí đi vay".

Ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được ghi nhận theo số lợi nhuận (hoặc lỗ) từ kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất của Công ty trừ (-) chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của kỳ hiện hành và các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Cổ tức được công bố và chi trả trong kỳ báo cáo kế tiếp từ nguồn lợi nhuận chưa phân phối căn cứ vào sự phê duyệt của Đại hội đồng cổ đông tại Đại hội thường niên và khi có thông báo chia cổ tức gửi đến các cổ đông của Công ty.

Các khoản dự trữ, các quỹ từ lợi nhuận sau thuế được trích lập căn cứ vào điều lệ của Công ty và sự phê duyệt của Đại hội đồng cổ đông.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hoá, đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại sản phẩm, hàng hoá (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác);

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2023

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

Ghi nhận doanh thu (tiếp theo)

- (d) Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán hợp nhất của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của bảng cân đối kế toán hợp nhất; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu thu phí giao thông đường bộ

Doanh thu từ hoạt động thu phí giao thông đường bộ được ghi nhận dựa trên doanh số bán vé theo mức phí quy định của Nhà nước áp dụng trên mỗi tuyến đường mà Công ty được phép thu để hoàn vốn đầu tư các dự án B.O.T.

Doanh thu lãi bảo toàn vốn chủ các dự án B.O.T

Lãi bảo toàn vốn chủ các dự án B.O.T được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư vốn chủ sở hữu Công ty đầu tư vào dự án và tỷ suất lợi nhuận định mức theo quy định của hợp đồng B.O.T. Khoản lợi nhuận này sẽ được giảm trừ dần vào doanh thu thu phí giao thông hàng năm của dự án. Công ty áp dụng hướng dẫn của Bộ Tài chính tại công văn số 6070/BTC-CST ngày 15 tháng 5 năm 2013 trong việc ghi nhận khoản lãi bảo toàn vốn chủ này.

Doanh thu tài chính

Lãi tiền gửi, tiền cho vay được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi, tiền cho vay và lãi suất áp dụng.

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được/được ghi nhận theo mệnh giá.

Doanh thu từ hợp đồng xây dựng của Công ty được ghi nhận theo chính sách kế toán của Công ty về hợp đồng xây dựng (xem chi tiết dưới đây).

Hợp đồng xây dựng

Doanh thu và chi phí của hợp đồng xây dựng được ghi nhận như sau:

Khi kết quả thực hiện hợp đồng được ước tính một cách đáng tin cậy thì:

- Đối với các hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo tiến độ kế hoạch, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành do Công ty tự xác định vào ngày kết thúc năm tài chính.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2023

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

Ghi nhận doanh thu (tiếp theo)

- Đối với các hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận và được phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Các khoản tăng, giảm khối lượng xây lắp, các khoản thu bồi thường và các khoản thu khác chỉ được ghi nhận doanh thu khi đã được thống nhất với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể ước tính được một cách đáng tin cậy, thì:

- Doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc hoàn trả là tương đối chắc chắn.
- Chi phí của hợp đồng chỉ được ghi nhận vào chi phí khi đã phát sinh.

Chênh lệch giữa tổng doanh thu lũy kế của hợp đồng xây dựng đã ghi nhận và khoản tiền lũy kế ghi trên hóa đơn thanh toán theo tiến độ kế hoạch của hợp đồng được ghi nhận là khoản phải thu hoặc phải trả theo tiến độ kế hoạch của các hợp đồng xây dựng.

Ghi nhận giá vốn

Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ được ghi nhận theo giá trị thực tế phát sinh và tập hợp theo giá trị và số lượng thành phẩm, hàng hóa, vật tư xuất bán và dịch vụ cung cấp cho khách hàng, đảm bảo nguyên tắc phù hợp với doanh thu và nguyên tắc thận trọng. Các chi phí vượt trên mức bình thường của hàng tồn kho và dịch vụ cung cấp được ghi nhận ngay vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong kỳ.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ khi được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán “Chi phí đi vay”. Theo đó, chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Chi phí đi vay trong giai đoạn khai thác hoàn vốn của các dự án B.O.T được phân bổ theo tỷ lệ doanh thu thu phí giao thông nếu Công ty làm chủ đầu tư của dự án hoặc được ghi nhận theo thực tế phát sinh đối với các dự án do Công ty mua lại.

Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các kỳ khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2023

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

Thuế (tiếp theo)

sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Các bên liên quan

Được coi là các bên liên quan là các doanh nghiệp, các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung kiểm soát với Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những chức trách quản lý chủ chốt như giám đốc, viên chức của Công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của các cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

Trong việc xem xét mối quan hệ của từng bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý chứ không phải là hình thức pháp lý.

Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi) cho số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ.

Báo cáo bộ phận

Bộ phận là thành phần có thể phân biệt được của Công ty tham gia vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ có liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh), hoặc vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý) mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác. Ban Tổng Giám đốc cho rằng Công ty hoạt động trong các bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là đầu tư hợp đồng B.T, B.O.T, thu phí giao thông, thi công lắp đặt và duy tu công trình, hoạt động khác và hoạt động theo khu vực địa lý bao gồm các tỉnh, thành sau: Thành phố Hồ Chí Minh, tỉnh Ninh Thuận, tỉnh Bến Tre, tỉnh Trà Vinh và tỉnh Bình Dương. Báo cáo bộ phận sẽ được lập theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2023

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	30/09/2023 VND	01/01/2023 VND
Tiền mặt	918.232.443	204.825.452
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	48.647.661.631	25.409.576.009
Các khoản tương đương tiền	61.681.239.453	72.228.827.758
Cộng	111.247.133.527	97.843.229.219

Các khoản tương đương tiền bao gồm các khoản tiền gửi có kỳ hạn gốc dưới 3 tháng, trong đó bao gồm số tiền 1,5 tỷ đồng đang được dùng để bảo lãnh thực hiện hợp đồng (tại ngày 01 tháng 01 năm 2023 là 1,5 tỷ đồng).

2. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	30/09/2023 VND	01/01/2023 VND
Công ty CII	-	24.988.350.000
Công ty TNHH MTV Dịch vụ Hạ tầng CII	17.202.322.735	
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Cường Thuận IDICO	7.300.776.974	7.300.776.974
Khu Quản lý Giao thông Đô thị số 1	2.482.780.198	2.482.780.198
Công ty Xây dựng số 9 - Công ty An Xuân Thịnh	3.744.703.767	3.744.703.767
Phải thu khách hàng khác	14.743.878.822	14.473.255.873
Cộng	45.474.462.496	62.989.866.812

Trong đó, phải thu các bên liên quan

Công ty Cổ phần Xây dựng Cầu Sài Gòn	506.390.065	506.390.065
Công ty TNHH MTV Dịch vụ Hạ tầng CII	17.202.322.735	-
Công ty CII	-	24.988.350.000
Cộng	17.708.712.800	25.494.740.065

3. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	30/09/2023 VND	01/01/2023 VND
Trả trước cho các nhà thầu thi công các dự án B.O.T:	13.195.847.275	17.418.943.752
Công ty CII E&C	372.048.382	2.973.912.947
Công ty TNHH MTV Dịch vụ Hạ tầng CII	73.840.501	2.947.395.488
Công ty Cổ phần Cơ Khí Điện Lữ Gia	1.383.390.938	2.518.231.288
Công ty TNHH Công Nghệ và Xây Dựng Nam Việt	3.295.993.840	3.000.000.000
Công ty Cổ phần Kỹ thuật Xây dựng Cơ bản Cao su	3.850.713.644	
Công ty Cổ phần Xây Dựng Đường Bộ 248 - Cienco1	2.112.567.000	-
Công ty Cổ phần đầu tư và xây dựng Tín Thịnh	1.066.000.000	
Các nhà thầu khác	1.041.292.970	5.979.404.029

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2023

THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)

3. Trả trước cho người bán ngắn hạn (Tiếp theo)

	30/09/2023 VND	01/01/2023 VND
Trả trước cho người bán về mua hàng hóa, dịch vụ và tài sản khác	7.039.412.609	1.109.658.824
công ty TNHH Cầu đường 71	1.000.000.000	-
Các nhà cung cấp khác	6.039.412.609	1.109.658.824
Cộng	20.235.259.884	18.528.602.576
Trong đó, trả trước cho các bên liên quan		
Công ty CII E&C	372.048.382	2.973.912.947
Công ty TNHH MTV Dịch vụ Hạ tầng CII	73.840.501	2.947.395.488
Cộng	445.888.883	5.921.308.435

4. Phải thu về cho vay

	30/09/2023 VND	01/01/2023 VND
a. Ngắn hạn		
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Tuấn Lộc (i)	231.425.250.000	231.425.250.000
Công ty CII (ii)	313.220.783.478	139.500.378.040
Công ty TNHH MTV Khu Bắc Thủ Thiêm (iii)	39.628.835.715	200.000.000.000
Công ty CP Hạ Tầng Nước Sài Gòn	-	19.000.000.000
Cộng	584.274.869.193	589.925.628.040
b. Dài hạn		
Công ty CP Đầu tư Năm Bảy Bảy	-	400.000.000.000
Công ty CII	-	29.000.000.000
Cộng	-	429.000.000.000
Cộng các khoản phải thu về cho vay	584.274.869.193	1.018.925.628.040
Trong đó, phải thu các bên liên quan		
Công ty CII (ii)	313.220.783.478	168.500.378.040
Công ty CP Đầu tư Năm Bảy Bảy	-	400.000.000.000
Công ty TNHH MTV Khu Bắc Thủ Thiêm (iii)	39.628.835.715	200.000.000.000
Công ty CP Hạ Tầng Nước Sài Gòn	-	19.000.000.000
Cộng	352.849.619.193	787.500.378.040

- (i) Khoản hỗ trợ này được đảm bảo bằng chính cổ phần mà Công ty Tuấn Lộc sở hữu trong Công ty Cổ phần BOT Trung Lương - Mỹ Thuận. Theo thỏa thuận, khi dự án Trung Lương - Mỹ Thuận được đưa vào khai thác thì Công ty có quyền yêu cầu và Tuấn Lộc có nghĩa vụ phải chuyển nhượng cổ phần cho Công ty. Công ty đang thực hiện các thủ tục nhận chuyển nhượng cổ phần của Công ty Trung Lương - Mỹ Thuận từ Công ty Tuấn Lộc và dự kiến hoàn tất trong quý 4 năm nay.
- (ii) Số dư cuối kỳ là các khoản hỗ trợ vốn cho Công ty CII với thời gian thu hồi dưới 1 năm. Lãi suất theo thỏa thuận dao động từ 8,5%/năm đến 11%/năm.
- (iii) Khoản phải thu về hợp tác kinh doanh với Công ty TNHH MTV Khu Bắc Thủ Thiêm thời hạn 12 tháng với lợi tức cố định được hưởng trong kỳ là 10,5%/năm. Tiền gốc và lợi tức sẽ được thanh toán vào thời điểm kết thúc hợp tác hoặc theo thỏa thuận.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2023

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)

5. Phải thu khác

	30/09/2023 VND	01/01/2023 VND
a. Phải thu ngắn hạn		
Tạm ứng lợi nhuận (i)	135.096.454.319	116.096.454.319
Phải thu lãi vốn chủ dự án B.O.T (ii)	102.449.115.744	105.606.623.638
Phải thu doanh số thu phí giao thông thu hộ	6.446.831.712	8.631.754.520
Phải thu lãi cho vay, lãi tiền gửi	205.404.738.679	201.634.006.269
Cty CP Thương Mại Nước Giải Khát Khánh An	10.432.603.510	10.432.603.510
Phải thu người lao động	2.064.089.299	2.930.166.210
Điều chỉnh giảm giá trị Dự án mở rộng Quốc lộ 1A, đoạn qua tỉnh Ninh Thuận theo thỏa thuận quyết toán với cơ quan Nhà nước	22.536.888.505	22.536.888.505
Các khoản phải thu khác	33.828.569.995	30.860.246.115
Cộng	518.259.291.763	498.728.743.086
b. Phải thu dài hạn		
Lãi cho vay	-	29.156.164.384
Phải thu lãi vốn chủ dự án B.O.T (ii)	1.155.877.573.751	1.232.714.410.559
Phải thu khoản lợi ích tài chính theo hợp đồng B.O.T (iii)	49.181.920.904	45.079.571.959
Các khoản phải thu khác	85.000.000	
Cộng	1.205.144.494.655	1.306.950.146.902
Cộng các khoản phải thu khác	1.723.403.786.418	1.805.678.889.988
Trong đó, phải thu các bên liên quan		
Công ty CII	856.986.301	1.611.041.096
Công ty Cổ Phần Dịch Vụ Quản Lý Khai Thác Cầu Đường CII	-	401.737.500
Công ty TNHH MTV Dịch vụ Hạ tầng CII	326.821.000	551.398.000
Công ty CP Đầu tư Năm Bảy Bảy	-	29.156.164.384
Công ty TNHH MTV Khu Bắc Thủ Thiêm	-	11.427.154.866
Cộng phải thu bên liên quan	1.183.807.301	43.147.495.846

(i) Đây là khoản tạm ứng lợi nhuận của Công ty TNHH BOT Cầu Rạch Miễu cho nhà đầu tư ngoài công ty mẹ và sẽ được ghi giảm lợi nhuận sau thuế chưa phân phối khi công ty con này khi có quyết định chính thức về việc chia lợi nhuận.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2023

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)

5. Phải thu khác (tiếp theo)

(ii) Chi tiết số dư lãi bảo toàn vốn chủ của các dự án B.O.T như sau

	30/09/2023	01/01/2023
	VND	VND
Dự án mở rộng Xa lộ Hà Nội	1.234.635.910.375	1.310.225.864.071
Dự án mở rộng tuyến tránh Quốc lộ 1A, đoạn qua thành phố Phan Rang - Tháp Chàm	0	3.157.507.894
Dự án mở rộng Quốc lộ 1A, đoạn qua tỉnh Ninh Thuận	23.690.779.120	24.937.662.232
	1.258.326.689.495	1.338.321.034.197
Trừ: Giá trị sẽ giảm trừ vào doanh thu thu phí giao thông trong 12 tháng tới	(102.449.115.744)	(105.606.623.638)
Giá trị còn được giảm trừ sau 12 tháng tới	1.155.877.573.751	1.232.714.410.559

(iii) Lợi ích tài chính phát sinh theo hợp đồng B.O.T. Dự án đầu tư mở rộng Quốc lộ 1A, đoạn qua tỉnh Ninh Thuận (xem thêm tại Thuyết minh số VI.3).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho kỳ kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2023

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)

6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

	30/09/2023		01/01/2023	
	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND
Phải thu khách hàng ngắn hạn	26.913.491.410	1.693.348.003	26.966.375.202	1.693.348.003
Trả trước cho người bán ngắn hạn	1.634.574.749	-	1.654.374.749	-
Phải thu ngắn hạn khác	16.669.169.300	3.000.000.000	16.758.392.013	3.072.900.000
Cộng	45.217.235.459	4.693.348.003	45.379.141.964	4.766.248.003
				(25.273.027.199)
				(1.654.374.749)
				(13.685.492.013)
				(40.612.893.961)

Tình hình biến động dự phòng các khoản phải thu khó đòi:

	30/09/2023	01/01/2023
Số đầu năm	(40.612.893.961)	(40.612.893.961)
Xóa nợ khó đòi trong kỳ	89.006.505	-
Số cuối năm	(40.523.887.456)	(40.612.893.961)

7. Hàng tồn kho

	30/09/2023		01/01/2023	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	4.870.909.202	-	17.298.527.842	-
Chi phí đầu tư các dự án B.O.T chưa khai thác	-	-	16.805.030.618	-
Chi phí thi công, lắp đặt, duy tu dở dang	493.497.224	-	493.497.224	-
Cộng	4.870.909.202	-	17.298.527.842	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho kỳ kết toán kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2023

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)

8. Chi phí trả trước

a. Ngắn hạn

Chi phí lãi vay chờ phân bổ

Chi phí khác chờ phân bổ

Chi phí in vé cầu đường chờ phân bổ

b. Dài hạn

Chi phí lãi vay chờ phân bổ các dự án B.O.T (i)

Chi phí sửa chữa đột xuất, trung tu ... cầu đường

Chi phí di dời, xây dựng trạm thu phí

Chi phí khác chờ phân bổ

	30/09/2023	01/01/2023
	VND	VND
	4.201.257.655	-
	1.628.301.141	1.693.672.570
	417.409.301	484.974.308
	6.246.968.097	2.178.646.878
	1.897.499.056.329	1.580.638.958.028
	104.273.604.402	120.219.001.757
	8.746.667.788	11.370.668.134
	14.417.018.317	10.155.916.993
	2.024.936.346.836	1.722.384.544.912
	2.031.183.314.933	1.724.563.191.790

Cộng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2023

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)

8. Chi phí trả trước (tiếp theo)

Tình hình biến động chi phí trả trước như sau:

	Chi phí lãi vay chờ phân bổ các dự án B.O.T (i) VND	Chi phí sửa chữa, trung tu cầu đường VND	Chi phí khác chờ phân bổ VND	Cộng VND
Tại ngày 01/01/2022	1.034.158.250.342	43.277.099.035	20.001.898.784	1.097.437.248.161
Chi phí trả trước phát sinh tăng trong năm	389.599.410.727	82.504.855.116	6.215.385.744	478.319.651.587
Phân bổ trong năm	(124.954.986.348)	(21.882.659.753)	(6.061.844.774)	(152.899.490.875)
Tại ngày 30/09/2022	1.298.802.674.721	103.899.294.398	20.155.439.754	1.422.857.408.873
Chi phí trả trước trong kỳ	170.236.483.775	26.112.613.838	4.168.940.390	200.518.038.003
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	149.979.043.843	-	-	149.979.043.843
Phân bổ trong kỳ	(38.379.244.311)	(10.589.606.637)	(2.001.094.859)	(50.969.945.807)
(Giảm)/tăng khác	-	796.700.158	(796.700.158)	-
Tại ngày 31/12/2022	1.580.638.958.028	120.219.001.757	21.526.585.127	1.722.384.544.912
Tại ngày 01/01/2023	1.580.638.958.028	120.219.001.757	21.526.585.127	1.722.384.544.912
Chi phí trả trước trong năm	424.581.325.751	17.167.606.835	9.069.784.759	450.818.717.345
Tăng do hợp nhất công ty con	-	-	266.252.744	266.252.744
Phân bổ trong năm	(107.721.227.450)	(33.113.004.190)	(7.698.936.525)	(148.533.168.165)
Tại ngày 30/09/2023	1.897.499.056.329	104.273.604.402	23.163.686.105	2.024.936.346.836

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2023

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)

8. Chi phí trả trước (Tiếp theo)

(i) Chi tiết lãi vay của các dự án B.O.T:

Dự án mở rộng Quốc lộ 1A đoạn qua tỉnh Ninh

Thuận 911.174.264.989 798.230.076.879

Dự án cầu Cổ Chiên 266.879.242.239 236.211.310.173

Dự án Đầu tư xây dựng, nâng cấp mở rộng
4 đoạn tuyến Quốc lộ 60 167.602.506.885 143.866.346.500

Dự án mở rộng tuyến tránh Quốc lộ 1A đoạn
qua Thành phố Phan Rang - Tháp Chàm - 26.635.318.482

Dự án mở rộng Xa lộ Hà Nội 551.843.042.216 375.695.905.994

Cộng 1.897.499.056.329 1.580.638.958.028

Chi phí lãi vay các dự án B.O.T sẽ được phân bổ vào kết quả kinh doanh hợp nhất theo doanh thu thu phí giao thông của các dự án. Tỷ lệ phân bổ chi phí lãi vay hiện nay của Dự án mở rộng Quốc lộ 1, đoạn qua tỉnh Ninh Thuận giai đoạn 2 là 17,95%; Dự án mở rộng Xa lộ Hà Nội là 5%; Dự án cầu Cổ Chiên là 18%; Dự án xây dựng, nâng cấp mở rộng 4 đoạn tuyến Quốc lộ 60 - Cầu Rạch Miễu là 15%. Công ty đã phân bổ toàn bộ chi phí lãi vay của Dự án mở rộng tuyến tránh Quốc lộ 1A đoạn qua Thành phố Phan Rang - Tháp Chàm và đang thực hiện các thủ tục để quyết toán giá trị thu phí hoàn vốn với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.

Tỷ lệ phân bổ lãi vay của các dự án sẽ được điều chỉnh khi phương án tài chính của dự án thay đổi theo dòng tiền thu phí do cập nhật lưu lượng xe thực tế và đảm bảo lợi nhuận thực tế từ dự án tương ứng với số lãi vốn chủ sở hữu mà nhà đầu tư được hưởng trên số vốn đầu tư vào dự án chưa thu hồi.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2023

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)

9. Tài sản cố định hữu hình

Nguyên giá	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc thiết bị VND	Phương tiện vận tải, truyền dẫn VND	Thiết bị dụng cụ quản lý VND	Cộng VND
Tại ngày 01/01/2023	7.842.894.831	15.746.856.643	6.862.001.022	1.659.610.290	32.111.362.791
Mua trong kỳ	689.488.888	460.370.000	2.307.273.482	-	3.457.132.370
Tặng do hợp nhất công ty con trong năm	-	2.520.226.090	1.911.286.351	268.000.000	4.699.512.441
Tại ngày 30/09/2023	8.532.383.719	18.727.452.738	11.080.560.855	1.927.610.290	40.268.007.602
Giá trị hao mòn lũy kế					
Tại ngày 01/01/2023	6.668.602.786	8.719.216.907	5.805.855.728	1.343.323.993	22.536.999.414
Khấu hao trong kỳ	71.451.999	1.026.107.653	355.597.888	26.031.600	1.479.189.140
Tặng do hợp nhất công ty con trong năm	-	2.486.925.104	1.404.466.515	267.103.352	4.158.494.971
Tại ngày 30/09/2023	6.740.054.785	12.232.249.664	7.565.920.131	1.636.458.945	28.174.683.525
Giá trị còn lại					
Tại ngày 01/01/2023	1.174.292.045	7.027.639.741	1.056.145.294	316.286.297	9.574.363.377
Tại ngày 30/09/2023	1.792.328.934	6.495.203.074	3.514.640.724	291.151.345	12.093.324.077

Nguyên giá của các tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 30 tháng 09 năm 2023 là 20.912.309.812 VND và tại ngày 1 tháng 1 năm 2023 là 17.015.474.326 VND.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2023

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)

10. Tài sản cố định vô hình

	Quyền thu phí giao thông VND	Quyền sử dụng đất VND	Phần mềm vì tính VND	Cộng VND
Nguyên giá				
Tại ngày 01/01/2023	8.779.111.628.893	733.149.000	2.402.502.000	8.782.247.279.893
Mua trong kỳ	-	-	-	-
Đầu tư XDCB hoàn thành (i)	139.412.584.365	-	-	139.412.584.365
Tăng do hợp nhất công ty con trong năm	-	-	585.068.500	585.068.500
Phân loại lại	(450.000.000)	450.000.000	-	-
Giảm khác	-	-	-	-
Tại ngày 30/09/2023	8.918.074.213.258	1.183.149.000	2.987.570.500	8.922.244.932.758
Giá trị hao mòn lũy kế				
Tại ngày 01/01/2023	1.976.697.649.053	-	1.006.107.081	1.977.703.756.134
Khấu hao trong kỳ	253.116.343.816	-	180.965.883	253.297.309.699
Tăng do hợp nhất công ty con trong năm	-	-	358.534.249	358.534.249
Tại ngày 30/09/2023	2.229.813.992.869	-	1.545.607.213	2.231.359.600.082
Giá trị còn lại				
Tại ngày 01/01/2023	6.802.413.979.840	733.149.000	1.396.394.919	6.804.543.523.759
Tại ngày 30/09/2023	6.688.260.220.389	1.183.149.000	1.441.963.287	6.690.885.332.676

(i) Trong kỳ, Công ty đã ghi nhận tăng thêm quyền thu phí giao thông có được từ việc đầu tư xây dựng dự án B.O.T Mở rộng Xa lộ Hà Nội là 113.267.009.934 đồng và dự án Đường DT 741 là 26.145.574.431 đồng. Các dự án này đã được chính thức khai thác thu phí hoàn vốn đầu tư.

Thông tin về các dự án B.O.T đang được thu phí giao thông hoàn vốn đầu tư như sau:

a. Dự án tuyến tránh Quốc lộ 1A, đoạn qua thành phố Phan Rang - Tháp Chàm

Quyền thu phí giao thông hoàn vốn đầu tư Dự án đầu tư mở rộng tuyến tránh Quốc lộ 1A, đoạn qua thành phố Phan Rang - Tháp Chàm với nguyên giá tại ngày báo cáo là 580.674.875.017 đồng. Nguyên giá này được xác định dựa trên các chi phí Công ty đã bỏ ra để thực hiện đầu tư dự án theo hợp đồng B.O.T ký ngày 8 tháng 12 năm 2008 giữa Cục đường bộ Việt Nam và Liên doanh giữa Công ty và Công ty Cổ phần Đầu tư Năm Bảy Bảy. Việc thu phí đã chính thức được thực hiện từ thời điểm 0h ngày 20 tháng 5 năm 2013. Đến thời điểm khóa sổ, Công ty đã khấu hao hết giá trị quyền thu phí và hiện đang làm các thủ tục để quyết toán giá trị thu phí hoàn vốn dự án với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền..

b. Dự án đầu tư mở rộng Quốc lộ 1A, đoạn qua tỉnh Ninh Thuận

Quyền thu phí giao thông hoàn vốn Dự án đầu tư mở rộng Quốc lộ 1A, đoạn qua tỉnh Ninh Thuận theo hình thức hợp đồng B.O.T với nguyên giá tạm xác định tại ngày báo cáo là 1.488.747.655.945 đồng. Nguyên giá được xác định dựa trên các chi phí Công ty đã bỏ ra để thực hiện đầu tư dự án theo hợp đồng B.O.T ký ngày 8 tháng 12 năm 2014 với Bộ Giao thông Vận tải. Trạm thu phí Cà Ná đã chính thức được đưa vào thu phí từ thời điểm 0h ngày 1 tháng 4 năm 2017, thực hiện thu phí hoàn vốn đầu tư vào dự án này song song với thu phí hoàn vốn đầu tư vào dự án mở rộng tuyến tránh Quốc lộ 1A, đoạn qua thành phố Phan Rang - Tháp Chàm (*thuyết minh bên trên*) theo chỉ đạo của Bộ Giao thông Vận tải và Bộ Tài chính. Thời gian thu phí khoảng 19 năm 7 tháng và dự kiến sẽ kết thúc vào tháng 10 năm 2036.

Quyền thu phí giao thông được khấu hao theo doanh thu với tỷ lệ khấu hao hiện nay là 12,28%. Tỷ lệ khấu hao có thể được điều chỉnh và đăng ký lại khi giá trị đầu tư vào dự án được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền quyết toán hoặc khi phương án tài chính của dự án thay đổi do cập nhật doanh thu thực tế.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2023

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)

10. Tài sản cố định vô hình (tiếp theo)

c) Dự án đường ĐT 741

Quyền thu phí giao thông hoàn vốn đầu tư Dự án đầu tư nâng cấp mở rộng đường ĐT 741 tỉnh Bình Dương, đoạn từ Km 0 + 000 đến Km 49 + 670,4, với nguyên giá là 698.258.877.278 đồng. Nguyên giá này được xác định dựa trên các chi phí Công ty đã bỏ ra để thực hiện đầu tư dự án theo hợp đồng B.O.T ký ngày 9 tháng 9 năm 2009 với Ủy ban Nhân dân tỉnh Bình Dương. Trạm thu phí đường ĐT741 chính thức được đưa vào thu phí hoàn vốn đầu tư đoạn Km 21 + 000 đến Km 49 + 670,4 từ ngày 1 tháng 8 năm 2006. Đoạn Km 0 + 000 đến Km 21 + 000 được xây dựng năm 2009 và chính thức đưa vào vận hành khai thác từ ngày 01 tháng 9 năm 2011. Quyền thu phí giao thông được khấu hao theo doanh thu với tỷ lệ khấu hao hiện nay là 7,77%. Tỷ lệ khấu hao có thể được điều chỉnh khi phương án tài chính của dự án thay đổi theo dòng tiền thu phí do cập nhật lưu lượng xe thực tế lưu thông trên tuyến đường.

Tại ngày mua Công ty TNHH MTV Đầu tư Hạ tầng VRG, Công ty đã đánh giá lại giá trị tài sản thuần của công ty con này. Theo đó, giá trị quyền thu phí giao thông được ghi nhận tăng lên 276.430.752.980 đồng, đây là khoản chênh lệch giữa giá trị do Công ty thực hiện đánh giá lại theo phương pháp chiết khấu dòng tiền thu được trong tương lai từ hoạt động thu phí so với giá trị ghi sổ của tài sản thuần của công ty con tại ngày hợp nhất kinh doanh. Giá trị tăng thêm này chỉ được ghi nhận vào Báo cáo tài chính hợp nhất mà không có bất kỳ sự điều chỉnh nào cho giá trị ghi sổ của tài sản trên Báo cáo tài chính riêng của công ty con. Phần giá trị tăng thêm do đánh giá lại giá trị hợp lý của tài sản được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 20 năm 3 tháng, phù hợp với thời gian thu phí còn lại của dự án tính từ thời điểm hợp nhất công ty con.

d) Dự án Mở rộng 4 đoạn tuyến Quốc lộ 60, nối liền tỉnh Bến Tre và tỉnh Trà Vinh

Công ty được phép thu phí giao thông tại trạm cầu Rạch Miễu để hoàn vốn đầu tư dự án mở rộng 4 đoạn tuyến Quốc lộ 60, nối liền tỉnh Bến Tre và tỉnh Trà Vinh. Nguyên giá của quyền thu phí tạm ghi nhận dựa trên các chi phí mà Công ty đã bỏ ra tính đến ngày báo cáo là 1.120.436.031.106 đồng. Nguyên giá này sẽ được điều chỉnh khi Công ty thực hiện quyết toán với cơ quan Nhà Nước. Thời gian thu phí hoàn vốn ước tính khoảng 14 năm 8 tháng, bắt đầu từ 0h ngày 5 tháng 7 năm 2021. Công ty thực hiện khấu hao theo doanh thu với tỷ lệ tạm tính là 35% và sẽ được điều chỉnh phù hợp sau khi có quyết toán hoặc khi phương án tài chính của dự án thay đổi do cập nhật doanh thu thu phí thực tế và đăng ký tỷ lệ với cơ quan thuế. Hiện nay Công ty đang tiến hành các thủ tục quyết toán giá trị đầu tư của dự án với cơ quan Nhà nước.

e) Dự án xây dựng cầu Cổ Chiên

Đây là quyền thu phí Công ty có được do hợp nhất Công ty TNHH Đầu tư Cổ Chiên, thu phí giao thông hoàn vốn đầu tư Dự án xây dựng cầu Cổ Chiên, Quốc lộ 60, tỉnh Trà Vinh và tỉnh Bến Tre. Nguyên giá của tài sản tại ngày báo cáo là 752.313.769.586 đồng, được xác định dựa trên các chi phí đã bỏ ra để thực hiện đầu tư dự án theo hợp đồng B.O.T ký với Bộ Giao thông Vận tải. Dự án được đưa vào thu phí hoàn vốn kể từ ngày 1 tháng 9 năm 2016. Theo hợp đồng B.O.T và phụ lục, dự kiến Công ty được thu phí hoàn vốn trong khoảng 11 năm 4 tháng, thời gian thu phí này sẽ được quyết toán chính thức với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền trên cơ sở đảm bảo tỷ suất lãi vốn chủ sở hữu cho nhà đầu tư là 11,5%/năm. Quyền thu phí giao thông được khấu hao theo doanh thu với tỷ lệ khấu hao hiện nay là 23% doanh thu thu phí của dự án. Tỷ lệ khấu hao có thể được điều chỉnh khi phương án tài chính của dự án thay đổi theo dòng tiền thu phí do cập nhật lưu lượng xe thực tế lưu thông trên tuyến đường.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2023

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)

10. Tài sản cố định vô hình (tiếp theo)

f) Dự án mở rộng Xa lộ Hà Nội

Quyền thu phí giao thông hoàn vốn Dự án Mở rộng Xa lộ Hà Nội và Quốc lộ 1, đoạn từ ngã ba Trạm 2 cũ đến nút giao Tân Vạn theo hình thức hợp đồng B.O.T với nguyên giá tạm xác định tại báo cáo là 3.505.604.614.084 đồng. Nguyên giá được xác định dựa trên các chi phí Công ty đã bỏ ra để thực hiện đầu tư dự án theo hợp đồng B.O.T ký ngày 25 tháng 11 năm 2009 với Sở Giao thông Vận tải Thành phố Hồ Chí Minh và phụ lục hợp đồng B.O.T ký ngày 9 tháng 7 năm 2018 với Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh. Dự án chính thức khai thác thu phí hoàn vốn đầu tư từ thời điểm 0h ngày 1 tháng 4 năm 2021. Theo hợp đồng B.O.T và các phụ lục, Công ty được thu phí hoàn vốn dự kiến trong khoảng 17 năm 9 tháng. Quyền thu phí giao thông được khấu hao theo doanh thu với tỷ lệ là 13,426 %. Tỷ lệ khấu hao có thể được điều chỉnh khi phương án tài chính của dự án thay đổi theo dòng tiền thu phí do cập nhật lưu lượng xe thực tế lưu thông trên tuyến đường.

g) Thuyết minh khác liên quan đến Tài sản cố định vô hình

Công ty cam kết sử dụng nguồn tiền có được từ hoạt động thu phí giao thông cùng với các lợi ích kinh tế khác có thể thu được từ các dự án B.O.T để đảm bảo cho các khoản vay ngân hàng (chi tiết xem tại Thuyết minh số V.20).

Dự án B.O.T kết thúc thu phí chờ thanh lý

Dự án đầu tư xây dựng cầu Rạch Miễu

Quyền thu phí giao thông để hoàn vốn đầu tư xây dựng cầu Rạch Miễu, đây là dự án đầu tư theo hình thức B.O.T có phần vốn hỗ trợ của Ngân sách Nhà Nước, được Bộ trưởng Bộ Giao thông Vận tải phê duyệt. Công ty đã kết thúc thu phí hoàn vốn kể từ ngày 5 tháng 7 năm 2021 và đang thực hiện các thủ tục quyết toán dự án với cơ quan Nhà nước để làm cơ sở thanh lý hợp đồng B.O.T. Nguyên giá tài sản vô hình là quyền thu phí dự án cầu Rạch Miễu đã khấu hao hết chờ thanh lý là 495.607.637.262 đồng.

Nguyên giá của các tài sản cố định vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 30 tháng 09 năm 2023 và tại ngày 1 tháng 1 năm 2023: 715.000.000 VND).

11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	30/09/2023	01/01/2023
	VND	VND
Dự án Đầu tư xây dựng, nâng cấp mở rộng 4 đoạn tuyến Quốc lộ 60	33.125.627.535	33.125.627.535
Dự án B.O.T mở rộng nâng cấp đường ĐT 741 tỉnh Bình Dương	3.989.409.678	25.499.737.428
Cộng	37.115.037.213	58.625.364.963
Tình hình biến động chi phí xây dựng cơ bản dở dang như sau:		
	Từ 01/01/2023	Từ 01/01/2022
	đến 30/09/2023	đến 30/09/2022
	VND	VND
Số dư đầu kỳ	58.625.364.963	41.849.505.358
Chi phí đầu tư trong kỳ	117.922.362.505	91.486.934.508
Kết chuyển sang tài sản cố định vô hình	(139.412.584.365)	(72.725.212.245)
Kết chuyển sang chi phí trả trước dài hạn	(20.105.890)	(5.948.125.070)
Số dư cuối kỳ	37.115.037.213	54.663.102.551

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho kỳ kết toán kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2023

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)

12. Các khoản đầu tư tài chính

a. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	30/09/2023 VND	Giá gốc VND	01/01/2023 VND	Giá gốc VND
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn				
Tiền gửi có kỳ hạn	1.095.478.187	1.095.478.187	565.775.000	565.775.000
Cộng	1.095.478.187	1.095.478.187	565.775.000	565.775.000

b. Đầu tư vào công ty liên doanh

	30/09/2023	01/01/2023
	Giá gốc VND	Giá gốc VND
	Phân lợi nhuận sau ngày đầu tư VND	Phân lợi nhuận sau ngày đầu tư VND
	Giá trị hợp lý VND	Giá trị hợp lý VND
	831.072.077.286	831.072.077.286
Công ty Cổ phần BOT Trung Lương - Mỹ Thuận	107.645.958.652	38.094.933.546
	(i)	(i)
Cộng giá trị ghi nhận theo phương pháp vốn chủ sở hữu	938.718.035.938	869.167.010.832

(i) Giá trị hợp lý của các công ty liên doanh không được xác định để thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất do không có giá niêm yết trên thị trường. Các thông tin và giao dịch trên thị trường đối với khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2023

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)

12. Các khoản đầu tư tài chính (tiếp theo)

b. Đầu tư vào công ty liên doanh (tiếp theo)

Trong kỳ, giá trị ghi sổ của khoản đầu tư vào công ty liên doanh thay đổi như sau:

	Từ 01/01/2023 đến 30/09/2023 VND	Từ 01/01/2022 đến 30/09/2022 VND
Tại thời điểm đầu kỳ	869.167.010.832	828.084.007.099
Thay đổi trong kỳ	69.551.025.106	5.136.936.960
Góp vốn trong kỳ	-	3.896.453.288
Lợi nhuận từ công ty liên doanh (i)	69.551.025.106	1.240.483.672
Tại thời điểm cuối kỳ	938.718.035.938	833.220.944.059

(i) Lợi nhuận từ công ty liên doanh được ghi nhận theo số lãi vốn chủ sở hữu mà công ty liên doanh được hưởng trên số vốn đầu tư vào dự án chưa thu hồi nhân với tỷ suất lợi nhuận theo hợp đồng B.O.T là 11,5%/năm, áp dụng nhất quán với chính sách kế toán của Công ty đối với các dự án B.O.T.

13. Thuế thu nhập hoãn lại

	Đánh giá lại giá trị tài sản thuần công ty con tại ngày mua (i) VND	Lãi vốn chủ dự án B.O.T (ii) VND	Dự phòng phải trả người lao động VND	Cộng VND
a. Tài sản thuế hoãn lại				
Tại ngày 01/01/2022	-	280.367.346.734	375.000.000	280.742.346.734
Thuế suất thuế TNDN	20%	20%	20%	20%
Ghi nhận vào kết quả kinh doanh trong năm		18.164.298.526	-	18.164.298.526
Tại ngày 01/01/2023	-	262.203.048.208	375.000.000	262.578.048.208
Thuế suất thuế TNDN	20%	20%	20%	20%
Ghi nhận vào kết quả kinh doanh hợp nhất	-	15.275.866.139	-	15.275.866.139
Tại ngày 30/09/2023	-	246.927.182.069	375.000.000	247.302.182.069
b. Thuế hoãn lại phải trả				
Tại ngày 01/01/2022	51.473.312.624	-	-	51.473.312.624
Thuế suất thuế TNDN	20%	20%	20%	20%
Ghi nhận vào kết quả kinh doanh trong kỳ	(17.346.059.167)			(17.346.059.167)
Tại ngày 01/01/2023	34.127.253.457	-	-	34.127.253.457
Thuế suất thuế TNDN	20%	20%	20%	20%
Ghi nhận vào kết quả kinh doanh hợp nhất	(2.047.635.207)			(2.047.635.207)
Tại ngày 30/09/2023	32.079.618.250	0	-	32.079.618.250
Tổng thu nhập thuần ghi nhận vào báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất				13.228.230.932

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2023

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)

13. Thuế thu nhập hoãn lại (tiếp theo)

Thuế suất được sử dụng để tính thuế hoãn lại là thuế suất dự tính của kỳ tương lai khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán.

- (i) Số dư cuối kỳ là thuế thu nhập hoãn lại phải trả từ việc đánh giá lại giá trị hợp lý của tài sản thuần của Công ty TNHH MTV Đầu tư Hạ tầng VRG vào ngày hợp nhất kinh doanh. Khoản thuế thu nhập hoãn lại này được giảm trừ trực tiếp vào khoản lãi phát sinh từ giao dịch mua rẻ mà không được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Tại ngày báo cáo, giá trị còn lại của phần nguyên giá tăng thêm là 160.398.091.250 đồng, tương ứng với số thuế hoãn lại phải trả là 32.079.618.250 đồng và sẽ được hoàn nhập dần theo giá trị khấu hao của quyền thu phí tăng thêm do đánh giá lại.
- (ii) Theo hướng dẫn của Bộ Tài chính, khoản lãi bảo toàn vốn chủ được ghi nhận trong giai đoạn đầu tư sẽ được giảm trừ vào doanh thu thu phí của dự án khi dự án đi vào hoạt động. Công ty thực hiện kê khai và nộp thuế thu nhập doanh nghiệp đối với giá trị lãi vốn chủ đồng thời ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại phát sinh từ khoản lãi bảo toàn vốn chủ trong suốt thời gian đầu tư và sẽ được thu hồi dần trong suốt thời gian thu phí hoàn vốn tương ứng với giá trị giảm dần của lãi bảo toàn vốn chủ. Tại ngày báo cáo, số dư lãi bảo toàn vốn chủ còn được khấu trừ trong tương lai là 1.234.635.910.375 đồng (*chi tiết xem tại thuyết minh V.5*), tương ứng số thuế còn được khấu trừ là 246.927.182.069 đồng.

14. Lợi thế thương mại

	Giá trị ghi sổ VND
NGUYÊN GIÁ	
Tại ngày 01/01/2023 và ngày 30/06/2023	277.465.935.261
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ	
Tại ngày 01/01/2023	234.589.931.773
Phân bổ vào kết quả kinh doanh hợp nhất	6.603.149.922
Tại ngày 30/09/2023	241.193.081.695
GIÁ TRỊ CÒN LẠI	
Tại ngày 01/01/2023	42.876.003.488
Tại ngày 30/09/2023	36.272.853.566

15. Phải trả người bán ngắn hạn

	30/09/2023		01/01/2023	
	Giá trị	Số có khả năng thanh toán	Giá trị	Số có khả năng thanh toán
	VND	VND	VND	VND
Phải trả bên liên quan (i)	178.326.528.638	178.326.528.638	174.555.874.168	174.555.874.168
Các nhà cung cấp khác	52.805.464.246	52.805.464.246	62.673.365.051	62.673.365.051
Cộng	231.131.992.884	231.131.992.884	237.229.239.219	237.229.239.219

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2023

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)

15. Phải trả người bán ngắn hạn (tiếp theo)

	30/09/2023		01/01/2023	
	Giá trị	Số có khả năng thanh toán	Giá trị	Số có khả năng thanh toán
	VND	VND	VND	VND
(i) Chi tiết phải trả cho các bên liên quan				
Công ty CII (ii)	158.773.301.802	158.773.301.802	158.773.301.802	158.773.301.802
Công ty CII E&C	14.643.501.049	14.643.501.049	6.685.606.416	6.685.606.416
Công ty TNHH MTV Dịch vụ Hạ tầng CII	4.909.725.787	4.909.725.787	2.195.664.028	2.195.664.028
Công ty Cổ Phần Dịch Vụ Quản Lý Khai Thác Cầu Đường CII	-	-	6.898.925.922	6.898.925.922
Công ty 152 Điện Biên Phủ	-	-	2.376.000	2.376.000
Cộng	178.326.528.638	178.326.528.638	174.555.874.168	174.555.874.168

(ii) Khoản phải trả cho Công ty CII về việc nhận chuyển nhượng cổ phần của Công ty Cổ phần BOT Trung Lương - Mỹ Thuận.

16. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	30/09/2023	01/01/2023
	VND	VND
Công ty CII (i)	462.850.380.000	462.850.380.000
Các khách hàng khác	1.471.874.889	1.471.874.889
Cộng	464.322.254.889	464.322.254.889

Trong đó, người mua trả tiền trước là bên liên quan

Công ty CII (i)	462.850.380.000	462.850.380.000
-----------------	-----------------	-----------------

(i) Đây là khoản Công ty CII trả trước liên quan đến thỏa thuận mua cổ phần của Công ty Cổ phần BOT Trung Lương - Mỹ Thuận do Công ty đang sở hữu.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2023

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)

17. Thuế và các khoản phải thu, phải nộp Nhà nước

	01/01/2023	Số phải nộp trong kỳ	Số đã thực nộp trong kỳ	Tăng do hợp nhất công ty con	30/09/2023
	VND	VND	VND	VND	VND
a. Phải thu					
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.632.892.392	283.397.800	-		1.349.494.592
Thuế giá trị gia tăng	488.023.910	-	-		488.023.910
Thuế thu nhập cá nhân	-	-	-	49.239.154	49.239.154
Cộng	2.120.916.302	283.397.800	0	49.239.154	1.886.757.656
b. Phải nộp					
Thuế giá trị gia tăng	6.300.751.456	73.033.268.232	71.198.375.726	199.031.051	8.334.675.013
Thuế thu nhập doanh nghiệp	5.836.579.520	14.381.822.464	11.302.472.141	483.364.831	9.399.294.674
Thuế thu nhập cá nhân	532.349.435	1.636.927.515	2.082.382.991	1.100.000	87.993.959
Các khoản khác		866.903.768	452.149.064		414.754.704
Cộng	12.669.680.411	89.918.921.979	85.035.379.922	683.495.882	18.236.718.350

18. Chi phí phải trả ngắn hạn

	30/09/2023	01/01/2023
	VND	VND
Chi phí lãi vay phải trả	17.968.313.546	44.414.840.074
Trích trước chi phí duy tu, thi công, lắp đặt	40.898.361.449	23.880.171.178
Chi phí phải trả khác	5.550.672.324	2.923.860.390
Cộng	64.417.347.319	71.218.871.642
<i>Trong đó, chi phí phải trả cho bên liên quan</i>		
Công ty Cổ Phần Dịch Vụ Quản Lý Khai Thác Cầu Đường CII	-	3.653.879.548

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2023

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)

19. Phải trả khác

	30/09/2023 VND	01/01/2023 VND
a. Ngắn hạn		
Cổ tức phải trả	327.709.314.478	270.822.666.248
Phải trả chi phí sử dụng vốn (i)	78.897.568.183	256.970.842.982
Khoản nhận trước tiền mua cổ phần từ Công ty Cổ phần Xây dựng Cầu Sài Gòn	-	24.988.350.000
Phải trả thù lao Hội đồng quản trị	2.565.620.605	2.565.620.921
Các khoản phải trả, phải nộp khác	9.149.683.735	12.670.641.761
	418.322.187.001	568.018.121.912
b. Dài hạn		
Phải trả chi phí sử dụng vốn (i)	63.142.328.453	122.907.193.706
Khoản phải trả tiền ứng trước lợi nhuận trong tương lai (ii)	905.443.547.397	-
Nhận ký quỹ, ký cược	76.000.000	76.000.000
Các khoản thu hộ	8.536.091.258	8.536.091.258
	977.197.967.108	131.519.284.964
Cộng các khoản phải trả khác	1.395.520.154.109	699.537.406.876
Trong đó, phải trả các bên liên quan		
Công ty CII	460.015.047.117	650.574.078.338
Công ty TNHH MTV Khu Bắc Thủ Thiêm (ii)	905.443.547.397	-
Công ty Cổ phần Xây dựng Cầu Sài Gòn	-	24.988.350.000
Công ty TNHH MTV Dịch vụ Hạ tầng CII	5.356.376.829	76.000.000
Cộng	1.370.814.971.343	675.638.428.338

(i) Đây là khoản chi phí sử dụng vốn liên quan đến các hợp đồng vay dài hạn công ty mẹ để tài trợ cho các dự án B.O.T (xem thêm tại thuyết minh số V.20) và sẽ được thanh toán vào ngày đến hạn của các khoản vay.

(ii) Số dư thể hiện khoản tiền đã nhận từ Công ty TNHH MTV Khu Bắc Thủ Thiêm (KBTT) thanh toán cho hợp đồng chuyển nhượng khoản tiền được phân chia từ dự án Xa Lộ Hà Nội. Thời hạn của hợp đồng là 10 năm kể từ ngày Công ty KBTT thanh toán đầy đủ giá chuyển nhượng. Theo hợp đồng, KBTT sẽ được hưởng các khoản phân chia từ dự án hoặc theo giá trị đã thỏa thuận giữa hai bên tại từng thời điểm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2023

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)

20. Vay và nợ thuế tài chính

a. Vay ngắn hạn

	30/09/2023		01/01/2023	
	Nợ gốc VND	Giá trị có khả năng thanh toán VND	Tăng VND	Giảm VND
Vay các bên liên quan	3.032.493.025	3.032.493.025	57.026.449.681	324.047.449.807
Công ty CII	3.032.493.025	3.032.493.025	57.026.449.681	324.047.449.807
Vay ngân hàng	500.000.000	500.000.000	500.000.000	-
Ngân hàng HDBank	500.000.000	500.000.000	500.000.000	-
Vay dài hạn đến hạn trả (xem Thuyết minh b)	486.586.876.072	486.586.876.072		
Cộng	490.119.369.097	490.119.369.097	57.526.449.681	324.047.449.807
				270.053.493.151
				270.053.493.151
				583.509.986.666
				853.563.479.817
				583.509.986.666
				853.563.479.817

Thông tin bổ sung cho các khoản vay ngắn hạn

Bên cho vay	Số dư vay	Thời hạn vay	Ngày đáo hạn	Lãi suất vay	Mục đích vay	Tài sản đảm bảo
Ngân hàng HDBank	500.000.000	6 tháng	13/01/2024	Lãi suất trong năm là 11%	Phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh	Không có tài sản đảm bảo
Công ty CII	2.172.203.699	1 năm	13/04/2024	Lãi suất trong năm là 11,5%	Đầu tư góp vốn vào Công ty Cổ phần BOT Trung Lương - Mỹ Thuận	Không có tài sản đảm bảo
	860.289.326	3 năm	21/07/2024	Lãi suất trong kỳ là 11,5%	Hợp tác kinh doanh (thời hạn 3 năm nhưng có thể chấm dứt trước hạn khi có đề nghị của một trong hai bên)	Không có tài sản đảm bảo
	3.532.493.025					

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2023

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)

20. Vay và nợ thuê tài chính (tiếp theo)

b. Vay dài hạn

	30/09/2023		Phát sinh trong kỳ		01/01/2023	
	Nợ gốc		Giá trị có khả năng thanh toán		Giảm	
	VND	VND	Tăng	Giá trị có khả năng thanh toán	Nợ gốc	Giá trị có khả năng thanh toán
Vay ngân hàng	5.083.496.096.185	5.083.496.096.185	2.371.150.902.251	2.657.397.724.471	5.369.742.918.405	5.369.742.918.405
Ngân hàng Vietcombank - CN TP.HCM	2.282.955.113.788	2.282.955.113.788	2.365.955.113.788	83.000.000.000		
Ngân hàng Vietinbank - CN 11, Tp. HCM	1.208.025.042.753	1.208.025.042.753	-	2.412.087.203.178	3.620.112.245.931	3.620.112.245.931
Ngân hàng BIDV - CN Bến Tre	653.999.379.211	653.999.379.211	-	73.000.000.000	726.999.379.211	726.999.379.211
Ngân hàng BIDV - CN Thành phố Hồ Chí Minh	562.460.126.480	562.460.126.480	-	24.744.000.000	587.204.126.480	587.204.126.480
Ngân hàng Tiên Phong - CN Bến Thành	376.056.433.953	376.056.433.953	5.195.788.463	64.566.521.293	435.427.166.783	435.427.166.783
Công ty CII	279.748.478.064	279.748.478.064	62.643.835.617	515.047.807.234	732.152.449.681	732.152.449.681
Trừ: Số phải trả trong 12 tháng tới	(486.586.876.072)	(486.586.876.072)			(583.509.986.666)	(583.509.986.666)
Cộng	4.876.657.698.177	4.876.657.698.177	2.433.794.737.868	3.172.445.531.705	5.518.385.381.420	5.518.385.381.420

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2023

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)

20. Vay và nợ thuê tài chính (tiếp theo)

Thông tin bổ sung cho các khoản vay dài hạn

Bên cho vay	Số dư vay	Thời hạn vay	Ngày đáo hạn	Lãi suất vay	Mục đích vay	Tài sản đảm bảo
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh TP.HCM	2.282.955.113.788	6 năm	29/11/2029	Thả nổi, lãi suất trong kỳ từ 8,7% - 9,5%/năm	Viettinbank - CN 11 giải ngân cho vay để Đầu tư xây dựng Dự án mở rộng Xa lộ Hà Nội theo hình thức hợp đồng B.O.T. Ngày 19/06/2023 Vietcombank chính thức mua lại nợ từ Viettinbank	Toàn bộ quyền quản lý, thu phí giao thông trên Xa lộ Hà Nội hoàn vốn đầu tư dự án B.O.T mở rộng Xa lộ Hà Nội, quyền thụ hưởng bảo hiểm mọi rủi ro liên quan đến thi công và xây lắp trong thời gian xây dựng của dự án.
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh 11	1.208.025.042.753	15 năm	13/02/2030	Thả nổi, lãi suất trong kỳ là 10,5%/năm	Tài trợ cho Dự án mở rộng Quốc lộ 1 đoạn qua tỉnh Ninh Thuận theo hình thức hợp đồng B.O.T, giai đoạn 2	Các lợi ích kinh tế mà Công ty có thể thu được từ dự án.
Công ty CII	279.748.478.064	10 năm	31/12/2033	Lãi suất trong kỳ là 10,5%	Tài trợ kinh phí cho dự án B.O.T mở rộng Xa lộ Hà Nội.	Không có tài sản đảm bảo.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2023

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)

20. Vay và nợ thuê tài chính (tiếp theo)

Thông tin bổ sung cho các khoản vay dài hạn

Bên cho vay	Số dư vay	Thời hạn vay	Ngày đáo hạn	Lãi suất vay	Mục đích vay	Tài sản đảm bảo
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Bến Tre	653.999.379.211	12 năm	14/06/2033	Thả nổi, lãi suất trong kỳ là 9,25% - 10,4%/năm	Đầu tư nâng cấp, mở rộng và xây dựng 4 đoạn tuyến quốc lộ 60	Tất cả các nguồn thu từ dự án.
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh	562.460.126.480	18 năm	21/04/2032	Thả nổi, lãi suất trong kỳ là 9,8% - 10,4%/năm	Đầu tư xây dựng công trình Cầu Cổ Chiên	Toàn bộ tài sản và quyền tài sản hình thành của dự án, quyền và lợi ích khác
Ngân hàng TMCP Tiên Phong - Chi nhánh Bến Thành	328.682.300.319	8 năm	29/07/2028	Thả nổi, lãi suất trong năm là 11,65%-13,05%	Thanh toán khoản vay từ công ty CII theo hợp đồng hỗ trợ vốn số 27/2015/HĐ-CII ngày 13/04/2015	- Quyền thu phí dự án "Nâng cấp, mở rộng đường ĐT 741 tỉnh Bình Dương".
	17.219.000.000	3 năm	25/10/2023		Tái tài trợ khoản vay của Ngân hàng BIDV năm 2015 để mua lại phần vốn góp của Công ty TNHH MTV Đầu tư Hạ tầng VRG	- Toàn bộ phần vốn góp của Công ty Cổ phần Cầu đường Hiền An Bình tại Công ty TNHH MTV Đầu tư Hạ tầng VRG.
	3.383.699.681	3 năm	20/11/2023	Thả nổi, lãi suất tại ngày báo cáo 11,9%/năm	Tài trợ kinh phí trung tu đường ĐT741 tỉnh Bình Dương	- Toàn bộ cổ phần của Công ty CIIBR tại Công ty Cổ phần Cầu đường Hiền An Bình.
	11.452.683.953	5 năm	26/04/2026	Thả nổi, lãi suất tại ngày báo cáo từ 11,9% - 12,7%/năm	Tài trợ chi phí cải tạo nâng cấp cầu Phước Hòa cũ thuộc dự án DDT tỉnh Bình Dương	- Toàn bộ cổ phần của Công ty CIIBR tại Công ty Cổ phần Cầu đường Hiền An Bình.
	15.318.750.000	5 năm	24/09/2026	Thả nổi, lãi suất tại ngày báo cáo 11,9%/năm	Bồi hoàn kinh phí trung tu đợt 3 và lắp đặt Dải phân cách đường ĐT741 tỉnh Bình Dương đoạn từ Km 0 + 000 đến Km 49 + 545.	- Toàn bộ cổ phần của Công ty CIIBR tại Công ty TNHH BOT Cầu Rạch Miễu.

Cộng TPBank

376.056.433.953

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho kỳ kết thúc kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2023

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)

20. Vay và nợ thuế tài chính (tiếp theo)

Thông tin bổ sung cho các khoản vay dài hạn (tiếp theo)

Lịch thanh toán các khoản nợ vay dài hạn như sau:

	30/09/2023	01/01/2023
	VND	VND
Trọng vòng một năm	486.586.876.072	583.509.986.666
Trọng năm thứ hai	637.950.862.348	554.854.765.189
Từ năm thứ ba đến năm thứ năm	2.363.242.009.576	2.147.372.967.723
Sau năm năm	1.875.464.826.253	2.816.157.648.508
	5.363.244.574.249	6.101.895.368.086
Trừ: số phải trả trong vòng 12 tháng	(486.586.876.072)	(583.509.986.666)
Cộng	4.876.657.698.177	5.518.385.381.420

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2023

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)

21. Vốn chủ sở hữu

a. Bảng đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Lợi ích cổ đông không kiểm soát VND	Tổng cộng VND
Tại ngày 01/01/2022	1.928.547.650.000	3.657.748.096	96.125.354.490	1.272.973.201.023	1.386.934.246.204	4.688.238.199.813
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	198.140.406.162	105.599.210.909	303.739.617.071
Chia cổ tức	-	-	-	-	(109.894.239.570)	(109.894.239.570)
Trích lập các quỹ	-	-	9.902.820.107	(15.439.287.049)	-	(5.536.466.942)
Tại ngày 30/09/2022	1.928.547.650.000	3.657.748.096	106.028.174.597	1.455.674.320.136	1.382.639.217.543	4.876.547.110.372
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	93.107.150.678	65.744.433.531	158.851.584.209
Chia cổ tức	-	-	-	(77.141.906.000)	(111.468.515.104)	(188.610.421.104)
Trích lập các quỹ	-	-	-	-	-	-
Thoái vốn trong công ty con	-	-	-	-	(3.318.461.592)	(3.318.461.592)
Tại ngày 31/12/2022	1.928.547.650.000	3.657.748.096	106.028.174.597	1.471.639.564.814	1.333.596.674.378	4.843.469.811.885
Tại ngày 01/01/2023	1.928.547.650.000	3.657.748.096	106.028.174.597	1.471.639.564.814	1.333.596.674.378	4.843.469.811.885
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	205.568.110.509	172.975.480.883	378.543.591.392
Chia cổ tức	-	-	-	(308.567.624.000)	(66.825.963.086)	(375.393.587.086)
Trích lập các quỹ, thù lao Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát	-	-	-	(4.012.499.052)	-	(4.012.499.052)
Tặng do hợp nhất công ty con	-	-	-	-	12.512.237.794	12.512.237.794
Tại ngày 30/09/2023	1.928.547.650.000	3.657.748.096	106.028.174.597	1.364.627.552.271	1.452.258.429.969	4.855.119.554.933

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2023

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)

21. Vốn chủ sở hữu (tiếp theo)

b. Cổ phiếu

	30/09/2023	01/01/2023
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	192.854.765	192.854.765
Số lượng cổ phiếu đã phát hành ra công chúng + Cổ phiếu phổ thông	192.854.765	192.854.765
Số lượng cổ phiếu đã mua lại (cổ phiếu quỹ) + Cổ phiếu phổ thông	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành + Cổ phiếu phổ thông	192.854.765	192.854.765
Mệnh giá cổ phiếu: 10.000 VND/cổ phiếu	192.854.765	192.854.765

c. Cổ tức

Đại hội đồng cổ đông thường niên ngày 12 tháng 4 năm 2023 đã thông qua việc chia cổ tức từ lợi nhuận sau thuế năm 2022 với tỷ lệ tối thiểu 8% bằng tiền mặt và ủy quyền cho Hội đồng Quản trị quyết định thời điểm chi trả tùy thuộc vào tình hình tài chính của Công ty.

Đại hội cổ đông thường niên năm tài chính 2022 cũng đã thông qua kế hoạch chia cổ tức năm 2023 với tỷ lệ dự kiến là 16%.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2023

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Từ 01/01/2023 đến 30/09/2023 VND	Từ 01/01/2022 đến 30/09/2022 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ		
Doanh thu thu phí giao thông	1.094.603.594.002	1.081.121.340.018
Doanh thu cung cấp dịch vụ	2.241.157.329	2.233.019.692
Doanh thu từ hoạt động thi công, xây lắp công trình và hoạt động khác	-	111.300.000
	1.096.844.751.331	1.083.465.659.710
Các khoản giảm trừ doanh thu		
Hoàn nhập lãi bảo toàn vốn chủ sở hữu dự án B.O.T	(79.994.344.702)	(71.387.660.640)
	(79.994.344.702)	(71.387.660.640)
Doanh thu thuần	1.016.850.406.629	1.012.077.999.070
Trong đó, doanh thu phát sinh từ giao dịch với các bên liên quan		
Công ty Cổ Phần Kỹ Thuật En Vi Ro	40.000.000	
Công ty Cổ Phần Hạ Tầng Nước Sài Gòn	332.002.664	488.545.028
Cộng	372.002.664	488.545.028

2. Giá vốn hàng bán

	Từ 01/01/2023 đến 30/09/2023 VND	Từ 01/01/2022 đến 30/09/2022 VND
Giá vốn hoạt động thu phí giao thông	357.260.381.660	401.465.567.472
Giá vốn cung cấp dịch vụ	3.875.528.047	3.774.694.367
Giá vốn hoạt động thi công, xây lắp công trình và hoạt động khác	-	111.300.000
Cộng	361.135.909.707	405.351.561.839
Trong đó, giá vốn phát sinh từ giao dịch với các bên liên quan		
Công ty TNHH MTV Dịch vụ Hạ tầng CII	29.613.984.466	26.653.266.573
Công ty CP Xây dựng Hạ Tầng CII (E&C)	5.011.118.025	-
Công ty Cổ Phần Dịch Vụ Quản Lý Khai Thác Cầu Đường CII	31.362.944.002	18.617.942.828
	65.988.046.493	45.271.209.401

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Từ 01/01/2023 đến 30/09/2023 VND	Từ 01/01/2022 đến 30/09/2022 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	53.935.671.518	60.117.549.079
Lợi ích tài chính của hợp đồng B.O.T (i)	6.356.327.544	5.839.359.419
Cộng	60.291.999.062	65.956.908.498

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2023

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT (tiếp theo)

3. Doanh thu hoạt động tài chính (tiếp theo)

	Từ 01/01/2023 đến 30/09/2023 VND	Từ 01/01/2022 đến 30/09/2022 VND
<i>Trong đó, doanh thu phát sinh từ giao dịch với các bên liên quan</i>		
Công ty CII	18.199.036.283	9.838.777.578
Công ty CP Đầu tư Năm Bảy Bảy	6.334.246.575	20.586.301.370
Công ty TNHH MTV Khu Bắc Thủ Thiêm	7.480.578.012	5.975.848.839
Công ty CP Hạ Tầng Nước Sài Gòn	834.238.356	
Công ty TNHH MTV Dịch vụ Hạ tầng CII		69.221.667
Công ty CP Xây dựng Hạ Tầng CII (E&C)	-	84.166.666
Cộng	32.848.099.226	36.554.316.120

(i) Trong Hợp đồng B.O.T Dự án đầu tư mở rộng Quốc lộ 1A, đoạn qua tỉnh Ninh Thuận thể hiện rằng lãi suất được áp dụng để tính thời gian hoàn vốn được lấy theo mức lãi suất khoản cụ thể cho từng giai đoạn trong thời gian thu phí. Công ty đã đàm phán được nguồn vốn vay với lãi suất vay thấp, do đó Công ty được hưởng một khoản lợi ích tài chính theo điều khoản lãi vay quy định trong hợp đồng B.O.T.

4. Chi phí tài chính

	Từ 01/01/2023 đến 30/09/2023 VND	Từ 01/01/2022 đến 30/09/2022 VND
Chi phí lãi vay	270.626.494.798	242.659.375.537
Lợi ích tài chính	2.253.978.599	
Cộng	272.880.473.397	242.659.375.537
<i>Trong đó, chi phí tài chính phát sinh từ giao dịch với các bên liên quan</i>		
Công ty CII	121.015.815.664	80.208.835.910
Công ty TNHH MTV Khu Bắc Thủ Thiêm	15.684.227.506	4.347.585.090
Cộng	136.700.043.170	84.556.421.000

5. Chi phí bán hàng

	Từ 01/01/2023 đến 30/09/2023 VND	Từ 01/01/2022 đến 30/09/2022 VND
Chi phí dịch vụ thu hộ phí giao thông	63.125.399.902	67.648.143.119
Chi phí lương nhân viên	3.062.525.188	4.284.607.252
Chi phí in vé thu phí giao thông	2.766.848.040	2.624.000.346
Các khoản chi phí bán hàng khác	4.792.037.666	4.620.751.270
Cộng	73.746.810.796	79.177.501.987

Trong đó, chi phí phát sinh từ giao dịch với các bên liên quan

Công ty TNHH MTV Dịch vụ Hạ tầng CII	28.799.024.461	28.920.690.179
Công ty Cổ Phần Dịch Vụ Quản Lý Khai Thác Cầu Đường CII	7.056.660.503	7.917.499.045
Công ty 152 Điện Biên Phủ	2.497.215.154	2.497.099.373
Công ty TNHH MTV Khu Bắc Thủ Thiêm	122.727.273	122.727.274
Công ty CII	122.727.273	122.727.273
Cộng	38.598.354.664	39.580.743.144

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2023

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT (tiếp theo)

6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Từ 01/01/2023 đến 30/09/2023 VND	Từ 01/01/2022 đến 30/09/2022 VND
Phân bổ lợi thế thương mại	6.603.149.922	8.653.950.901
Chi phí lương nhân viên	9.323.917.685	8.978.398.844
Chi phí công cụ, dụng cụ văn phòng	1.418.237.152	1.693.412.653
Chi phí khấu hao tài sản cố định	10.983.979.026	13.000.706.266
Trích lập dự phòng phải thu khó đòi	-	(463.021.533)
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.199.784.355	2.475.334.734
Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp khác	2.251.422.036	665.924.148
Cộng	31.780.490.176	35.004.706.013

Trong đó, chi phí phát sinh từ giao dịch với các bên liên quan

Cty TNHH Đầu tư Cao ốc Điện Biên Phủ	19.800.000	22.000.000
Cộng	19.800.000	22.000.000

7. Thu nhập khác

	Từ 01/01/2023 đến 30/09/2023 VND	Từ 01/01/2022 đến 30/09/2022 VND
Lãi từ mua rẻ công ty con	5.024.475.588	
Thu nhập từ cho thuê máy móc thiết bị	81.818.181	81.818.181
Thu nhập từ xóa các khoản nợ phải trả	113.036.075	-
Thu nhập khác	62.292.353	6.944.445
Cộng	5.281.622.197	88.762.626

Trong đó, thu nhập phát sinh từ giao dịch với các bên liên quan

Công ty Cổ Phần Dịch Vụ Quản Lý Khai Thác Cầu Đường CII	81.818.181	81.818.181
Cộng	81.818.181	81.818.181

8. Chi phí khác

	Từ 01/01/2023 đến 30/09/2023 VND	Từ 01/01/2022 đến 30/09/2022 VND
Chi phí bồi thường hộ dân do ảnh hưởng khi thi công dự án B.O.T	5.919.567.461	
Phạt vi phạm hành chính, chậm nộp thuế, truy thu thuế	51.319.969	630.704.721
Chi phí khác	23.438.900	
Cộng	5.994.326.330	630.704.721

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2023

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT (tiếp theo)

9. Chi phí thuế Thu nhập doanh nghiệp

	Từ 01/01/2023 đến 30/09/2023 VND	Từ 01/01/2022 đến 30/09/2022 VND
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	14.665.220.264	17.583.988.221

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo tỷ lệ 20% trên thu nhập tính thuế của các hoạt động sản xuất kinh doanh thông thường.

Hoạt động đầu tư vào các dự án hạ tầng theo hợp đồng B.O.T và B.T được hưởng ưu đãi thuế theo quy định của luật thuế TNDN hiện hành. Cụ thể, thu nhập phát sinh từ các dự án đầu tư này được hưởng mức thuế suất ưu đãi là 10% trong vòng 15 năm, miễn thuế trong vòng 4 năm và giảm 50% số thuế phải nộp trong 9 năm tiếp theo.

10. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Từ 01/01/2023 đến 30/09/2023 VND	Từ 01/01/2022 đến 30/09/2022 VND
Lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ	205.568.110.509	198.140.406.162
Số trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi, thù lao HĐQT và BKS	(2.049.527.858)	(2.217.035.668)
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông Công ty mẹ sở hữu cổ phiếu phổ thông	203.518.582.651	195.923.370.494
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu đang lưu hành trong kỳ	192.854.765	192.854.765
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.055	1.016

Số trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi và thù lao kỳ này giảm trừ vào lợi nhuận dùng để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu được ước tính với tỷ lệ 1,5% lợi nhuận sau thuế trên báo cáo tài chính riêng theo kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2023 đã được Đại hội cổ đông thông qua.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2023

VII. THÔNG TIN KHÁC

1. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất kỳ này

	Từ 01/01/2023 đến 30/09/2023 VND	Từ 01/01/2022 đến 30/09/2022 VND
Số tiền đi vay thực thu trong kỳ (mã số 33)		
Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường	2.371.150.902.251	878.396.629.052
Tiền thu từ đi vay các Công ty trong tập đoàn	955.153.835.617	781.600.000.000
	3.326.304.737.868	1.659.996.629.052
Số tiền đã thực trả gốc vay trong kỳ (mã số 34)		
Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường	2.981.445.174.278	227.976.025.914
Tiền trả nợ vay các Công ty trong tập đoàn	458.021.357.553	905.569.642.610
	3.439.466.531.831	1.133.545.668.524

2. Cam kết thuê hoạt động

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty có hợp đồng thuê văn phòng không thể hủy ngang, theo đó khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu phải thu trong tương lai của hợp đồng cho thuê hoạt động như sau:

	30/09/2023 VND	01/01/2023 VND
Trong vòng một năm	2.666.255.664	2.666.255.664
Từ năm thứ hai đến năm thứ năm	3.471.687.063	5.471.378.811
Cộng	6.137.942.727	8.137.634.475

3. Báo cáo bộ phận

Để phục vụ cho mục đích quản lý, cơ cấu tổ chức của Công ty được chia thành các bộ phận khác nhau. Theo đó, báo cáo bộ phận chính yếu dựa trên loại hình hoạt động sản xuất kinh doanh.

Kết quả báo cáo bộ phận bao gồm: các khoản mục phân bổ trực tiếp cho một bộ phận cũng như cho các bộ phận được phân chia theo một cơ sở hợp lý. Các khoản mục không được phân bổ bao gồm: tài sản, nợ phải trả, doanh thu hoạt động tài chính, chi phí tài chính, chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp, lãi hoặc lỗ khác và thuế thu nhập doanh nghiệp.

Các bộ phận hoạt động kinh doanh của Công ty bao gồm 3 bộ phận như sau: hoạt động thi công lắp đặt, duy tu công trình; cung cấp dịch vụ; hoạt động thu phí giao thông. Hoạt động cụ thể của từng bộ phận kinh doanh như sau:

- Hoạt động thu phí giao thông: thu phí giao thông hoàn vốn đầu tư xây dựng dự án cầu đường theo hợp đồng B.O.T;
- Hoạt động thi công lắp đặt, duy tu công trình: thi công lắp đặt thiết bị các công trình chiếu sáng, duy tu bảo dưỡng các công trình công cộng;
- Hoạt động cung cấp dịch vụ: cho thuê văn phòng, kho bãi; tư vấn quản lý và khai thác thu phí giao thông hoàn vốn đầu tư xây dựng các công trình cầu đường theo hình thức hợp đồng B.O.T.

Công ty lập báo cáo bộ phận theo 3 bộ phận kinh doanh này. Các thông tin bộ phận về hoạt động kinh doanh của Công ty như sau:

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2023

VII. THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)

2. Báo cáo bộ phận (tiếp theo)

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2023

	Hoạt động thu phí giao thông	Thi công lắp đặt, duy tu công trình	Cung cấp dịch vụ	Loại trừ giao dịch nội bộ	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
Doanh thu thuần					
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	1.014.609.249.300	-	2.241.157.329	-	1.016.850.406.629
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận			5.333.792.255	(5.333.792.255)	-
Cộng	1.014.609.249.300	-	7.574.949.584	(5.333.792.255)	1.016.850.406.629
Giá vốn					
Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp ra bên ngoài	357.260.381.660	-	3.875.528.047	-	361.135.909.707
Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp giữa các bộ phận			662.760.358	(662.760.358)	-
Cộng	357.260.381.660	-	4.538.288.405	(662.760.358)	361.135.909.707
Lợi nhuận gộp bộ phận	657.348.867.640	-	3.036.661.179	(4.671.031.897)	655.714.496.922
Doanh thu hoạt động tài chính					60.291.999.062
Chi phí tài chính					272.880.473.397
Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết					69.551.025.106
Chi phí bán hàng					73.746.810.796
Chi phí quản lý doanh nghiệp					31.780.490.176
Thu nhập khác					5.281.622.197
Chi phí khác					5.994.326.330
Chi phí thuế TNDN hiện hành					14.665.220.264
Chi phí/(thu nhập) thuế TNDN hoãn lại					13.228.230.932
Tổng lợi nhuận sau thuế					378.543.591.392

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2023

VII. THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)

2. Báo cáo bộ phận (tiếp theo)

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2022

	Hoạt động thu phí giao thông	Thi công lắp đặt, duy tu công trình	Cung cấp dịch vụ	Loại trừ giao dịch nội bộ	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
Doanh thu thuần					
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	1.009.733.679.378	111.300.000	2.233.019.692	-	1.012.077.999.070
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận	-	1.003.895.402	2.705.600.794	(3.709.496.196)	-
Cộng	1.009.733.679.378	1.115.195.402	4.938.620.486	(3.709.496.196)	1.012.077.999.070
Giá vốn					
Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp ra bên ngoài	401.465.567.472	111.300.000	3.774.694.367	-	405.351.561.839
Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp giữa các bộ phận	-	1.003.895.402	1.151.499.558	(2.155.394.960)	-
Cộng	401.465.567.472	1.115.195.402	4.926.193.925	(2.155.394.960)	405.351.561.839
Lợi nhuận gộp bộ phận	608.268.111.906	-	12.426.561	(1.554.101.236)	606.726.437.231
Doanh thu hoạt động tài chính					65.956.908.498
Phân lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết					1.240.483.672
Chi phí tài chính					242.659.375.537
Chi phí bán hàng					79.177.501.987
Chi phí quản lý doanh nghiệp					35.004.706.013
Thu nhập khác					88.762.626
Chi phí khác					630.704.721
Chi phí thuế TNDN hiện hành					17.583.988.221
Chi phí/(thu nhập) thuế TNDN hoãn lại					(4.783.301.523)
Tổng lợi nhuận sau thuế					303.739.617.071

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2023

VII. THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)

2. Báo cáo bộ phận (tiếp theo)

BÁO CÁO BỘ PHẬN THEO KHU VỰC ĐỊA LÝ - DOANH THU

	Từ 01/01/2023 đến 30/09/2023 VND	Từ 01/01/2022 đến 30/09/2022 VND
Thành phố Hồ Chí Minh	422.245.184.068	430.911.961.189
Tỉnh Ninh Thuận	201.416.825.423	180.886.490.413
Tỉnh Bến Tre	191.503.432.192	187.809.134.682
Tỉnh Bình Dương	118.515.115.619	130.507.248.308
Tỉnh Trà Vinh	83.169.849.327	81.963.164.478
Cộng	1.016.850.406.629	1.012.077.999.070

3. Danh sách và giao dịch với các bên liên quan

Bên liên quan

Mối quan hệ

Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh (CII)	Công ty mẹ
Công ty TNHH MTV Dịch vụ Hạ tầng CII	Công ty trong cùng tập đoàn
Công ty 152 Điện Biên Phủ	Công ty trong cùng tập đoàn
Công ty Cổ Phần Dịch Vụ Quản Lý Khai Thác Cầu Đường CII (i)	Công ty trong cùng tập đoàn
Công ty Cổ Phần Hạ Tầng Nước Sài Gòn (ii)	Công ty trong cùng tập đoàn
Công ty Cổ Phần Kỹ Thuật En Vi Ro (ii)	Công ty trong cùng tập đoàn
Công ty CP Xây dựng Hạ Tầng CII (E&C)	Công ty trong cùng tập đoàn
Công ty Cổ Phần Dịch Vụ Quản Lý Khai Thác Cầu Đường CII	Công ty trong cùng tập đoàn
Công ty TNHH MTV Khu Bắc Thủ Thiêm	Công ty trong cùng tập đoàn
Công ty CP Đầu tư Năm Bảy Bảy	Công ty trong cùng tập đoàn

- (i) Công ty thông qua việc góp vốn đầu tư vào Công ty Cổ Phần Dịch Vụ Quản Lý Khai Thác Cầu Đường CII (Tên cũ Công ty TNHH Dịch vụ MCSC) theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp ngày 04/08/2023 với tỷ lệ vốn góp là 66,667%.
- (ii) Từ ngày 26 tháng 6 năm 2023, Công ty CII đã thoái vốn một phần dẫn đến mất quyền kiểm soát Công ty Cổ phần Hạ tầng nước Sài Gòn (Công ty SII). Do đó, Công ty SII và nhóm các công ty con, công ty liên kết của công ty này không còn là bên liên quan của Công ty kể từ ngày 26 tháng 6 năm 2023.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)
Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2023

VII. THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)

3. Danh sách và giao dịch với các bên liên quan (tiếp theo)

Tổng hợp trong kỳ, công ty có số dư nợ các tài khoản như sau

	30/09/2023 VND	01/01/2023 VND
PHẢI THU KHÁCH HÀNG		
Công ty Cổ phần Xây dựng Cầu Sài Gòn	506.390.065	506.390.065
Công ty TNHH MTV Dịch vụ Hạ tầng CII	17.202.322.735	
Công ty CII	-	24.988.350.000
Cộng	17.708.712.800	25.494.740.065
	-	-
TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN		
Công ty CII E&C	372.048.382	2.973.912.947
Công ty TNHH MTV Dịch vụ Hạ tầng CII	73.840.501	2.947.395.488
Cộng	445.888.883	5.921.308.435
	-	-
PHẢI THU VỀ CHO VAY		
a. Ngắn hạn		
Công ty CII	313.220.783.478	168.500.378.040
Công ty CP Đầu tư Năm Bảy Bảy	-	400.000.000.000
Công ty TNHH MTV Khu Bắc Thủ Thiêm	39.628.835.715	200.000.000.000
Công ty CP Hạ Tầng Nước Sài Gòn	-	19.000.000.000
Cộng	352.849.619.193	787.500.378.040
	-	-
b. Dài hạn		
Công ty CII	-	29.000.000.000
Công ty CP Đầu tư Năm Bảy Bảy	-	400.000.000.000
Cộng	-	429.000.000.000
	-	-
PHẢI THU KHÁC		
Công ty CII	856.986.301	1.611.041.096
Công ty Cổ Phần Dịch Vụ Quản Lý Khai Thác Cầu Đường CII	-	401.737.500
Công ty TNHH MTV Dịch vụ Hạ tầng CII	326.821.000	551.398.000
Công ty CP Đầu tư Năm Bảy Bảy	-	29.156.164.384
Công ty TNHH MTV Khu Bắc Thủ Thiêm	-	11.427.154.866
Cộng	1.183.807.301	43.147.495.846

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2023

VII. THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)

3. Danh sách và giao dịch với các bên liên quan (tiếp theo)

Tổng hợp trong kỳ, công ty có số dư nợ các tài khoản như sau (tiếp theo)

	30/09/2023 VND	01/01/2023 VND
NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN		
Công ty CII	462.850.380.000	462.850.380.000
Cộng	462.850.380.000	462.850.380.000
PHẢI TRẢ KHÁC		
Công ty CII	460.015.047.117	650.574.078.338
Phải trả chi phí sử dụng vốn	142.039.896.636	379.878.036.688
Cổ tức phải trả ngắn hạn	317.975.150.481	270.696.041.650
Công ty TNHH MTV Khu Bắc Thủ Thiêm	905.443.547.397	-
Công ty Cổ phần Xây dựng Cầu Sài Gòn	-	24.988.350.000
Công ty TNHH MTV Dịch vụ Hạ tầng CII	5.356.376.829	76.000.000
Cộng	1.370.814.971.343	675.638.428.338
VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH		
Ngắn hạn		
Công ty CII	3.032.493.025	270.053.493.151
Dài hạn		
Công ty CII	279.748.478.064	732.152.449.681
Cộng	282.780.971.089	1.002.205.942.832
PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN		
Công ty CII	158.773.301.802	158.773.301.802
Công ty CII E&C	14.643.501.049	6.685.606.416
Công ty TNHH MTV Dịch vụ Hạ tầng CII	4.909.725.787	2.195.664.028
Công ty Cổ Phần Dịch Vụ Quản Lý Khai Thác (0	6.898.925.922
Công ty 152 Điện Biên Phủ	0	2.376.000
Cộng	178.326.528.638	174.555.874.168

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2023

VII. THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)

3. Danh sách và giao dịch với các bên liên quan (tiếp theo)

Tổng hợp trong kỳ, Công ty đã có các giao dịch với các bên liên quan như sau:

DOANH THU	Từ 01/01/2023	Từ 01/01/2022
	đến 30/09/2023	đến 30/09/2022
	VND	VND
Công ty Cổ Phần Kỹ Thuật En Vi Ro	40.000.000	
Công ty Cổ Phần Hạ Tầng Nước Sài Gòn	332.002.664	488.545.028
	372.002.664	488.545.028
GIÁ VỐN		
Công ty TNHH MTV Dịch vụ Hạ tầng CII	29.613.984.466	26.653.266.573
Công ty CP Xây dựng Hạ Tầng CII (E&C)	5.011.118.025	-
Công ty Cổ Phần Dịch Vụ Quản Lý Khai Thác Cầu Đường CII	31.362.944.002	18.617.942.828
	65.988.046.493	45.271.209.401
DOANH THU TÀI CHÍNH		
Công ty CII	18.199.036.283	9.838.777.578
Công ty CP Đầu tư Năm Bảy Bảy	6.334.246.575	20.586.301.370
Công ty TNHH MTV Khu Bắc Thủ Thiêm	7.480.578.012	5.975.848.839
Công ty CP Hạ Tầng Nước Sài Gòn	834.238.356	-
Công ty TNHH MTV Dịch vụ Hạ tầng CII	-	69.221.667
Công ty CP Xây dựng Hạ Tầng CII (E&C)	-	84.166.666
Cộng	32.848.099.226	36.554.316.120
CHI PHÍ TÀI CHÍNH		
Công ty CII	121.015.815.664	80.208.835.910
Công ty TNHH MTV Khu Bắc Thủ Thiêm	15.684.227.506	4.347.585.090
Cộng	136.700.043.170	84.556.421.000
CHI PHÍ BÁN HÀNG		
Công ty TNHH MTV Dịch vụ Hạ tầng CII	28.799.024.461	28.920.690.179
Công ty Cổ Phần Dịch Vụ Quản Lý Khai Thác Cầu Đường CII	7.056.660.503	7.917.499.045
Công ty 152 Điện Biên Phủ	2.497.215.154	2.497.099.373
Công ty TNHH MTV Khu Bắc Thủ Thiêm	122.727.273	122.727.274
Công ty CII	122.727.273	122.727.273
Cộng	38.598.354.664	39.580.743.144
CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP		
Cty TNHH Đầu tư Cao ốc Điện Biên Phủ	19.800.000	22.000.000
Cộng	19.800.000	22.000.000
THU NHẬP KHÁC		
Công ty TNHH Dịch vụ MCSC	81.818.181	81.818.181
Cộng	81.818.181	81.818.181

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2023

VII. THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)

3. Danh sách và giao dịch với các bên liên quan (tiếp theo)

Thù lao đã chi trả trong năm Họ và tên	Chức vụ	Từ 01/01/2023	Từ 01/01/2022
		đến 30/09/2023	đến 30/09/2022
		VND	VND
Hội đồng Quản trị			
Ông Lê Vũ Hoàng	Chủ tịch	200.625.000	148.542.300
Ông Rodrigo Emmanuel Franco	Phó Chủ tịch	160.500.000	248.313.840
Ông Lê Quốc Bình	Thành viên	133.750.000	99.028.200
Ông Nguyễn Văn Chính	Thành viên	133.750.000	66.018.800
Ông Dương Trường Hải	Thành viên	133.750.000	99.028.200
Ông Phạm Thế Chinh	Thành viên		33.009.400
Ông Denn Charly Gonzales Espanola	Thành viên		35.966.667
Ông Francis Gerard Elizaga Aberilla	Thành viên	133.750.000	170.961.533
Ông Christopher Daniel C. Lizo	Thành viên	133.750.000	170.961.533
Cộng		1.029.875.000	1.071.830.473
Ban Kiểm soát			
	Trưởng ban		
Ông Trần Ngọc Tiến	Kiểm soát	107.000.000	79.222.560
Bà Dương Thị Long Nghi	Thành viên	80.250.000	59.416.920
Bà Lương Kim Diên An	Thành viên	80.250.000	59.416.920
Cộng		267.500.000	198.056.400
Thu nhập của Ban Tổng Giám đốc được hưởng trong kỳ			
Họ và tên	Chức vụ	Từ 01/01/2023	Từ 01/01/2022
		đến 30/09/2023	đến 30/09/2022
		VND	VND
Ông Nguyễn Văn Chính	Tổng Giám đốc	1.142.118.635	1.059.333.777
Ông Francis Gerard Elizaga Aberilla	Phó Tổng Giám đốc	648.209.384	621.276.374
Ông Nguyễn Minh Trí	Phó Tổng Giám đốc (Miễn nhiệm ngày 01 tháng 06 năm 2023)	203.153.187	273.604.168
Bà Lương Thị Thu Yến	Kế toán trưởng	415.494.047	378.702.381
Cộng		2.408.975.253	2.332.916.700

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2023

VII. THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)

4. Các sự kiện sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Ngày 19 tháng 7 năm 2023, Hội đồng Quản trị của Công ty đã thông qua kế hoạch chi trả cổ tức từ năm 2017 đến năm 2023 thành 2 đợt: Đợt 1 thực hiện chi trả cổ tức năm 2017 và cổ tức còn lại của năm 2021 với tỷ lệ 16% (đã chi trả trong tháng 08/2023). Riêng Đợt 2 chi trả cổ tức năm 2020, năm 2022 và một phần cổ tức của năm 2023 với tỷ lệ 20% với hình thức chi trả bằng tiền mặt và dự kiến chi trả trong quý 4/2023.



Phùng Thị Thắm
Người lập biểu



Lương Thị Thu Yến
Kế toán trưởng



Nguyễn Văn Chính
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 10 năm 2023